

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG**

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
PGS.TS. Hoàng Thanh Hải
ThS. Nguyễn Quốc Tuấn
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

**THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY**

ThS. Lê Thị Linh Mai

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA**

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885
Website: www.tusta.org.vn
Email: khoaocthanhhoa@gmail.com

*Ảnh bìa: Khoa học công nghệ
và đổi mới sáng tạo (Ảnh minh họa).*

TRONG SỐ NÀY

- 2** Thực trạng và giải pháp phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ, sản giao dịch công nghệ, thiết bị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2030
Trần Duy Bình
- 6** Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa
Nguyễn Quốc Uy
- 11** Những đóng góp của Hội Tin học Thanh Hóa đối với công tác chuyển đổi số, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin cho các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, giai đoạn 2018 - 2023
Nguyễn Ngọc Túy
- 15** Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Hồng Đức với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2030
Hoàng Thị Mai
- 20** Những giải pháp đột phá nhằm phát huy trí tuệ của trí thức cao tuổi, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa
Nguyễn Đức Thắng
- 23** Nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực du lịch của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Nguyễn Thị Thục và cộng sự
- 28** Tin hoạt động
Ban Biên tập
- 33** Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng: Kết quả hoạt động từ khi thành lập đến nay
Mai Thị Hồng Hải
- 36** Hội Dược học Thanh Hóa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức
Phạm Ngọc Thơm
- 38** Những điểm mới quan trọng của Luật Đất đai năm 2024
Hà Sĩ Thắng
- 42** Viện Nông nghiệp Thanh Hóa - Địa chỉ tin cậy cung cấp cho bà con nông dân trong tỉnh nguồn giống bưởi Luận Văn đảm bảo chất lượng
Lê Thị Dung
- 44** Thanh niên xung phong Thanh Hóa với chiến dịch Điện Biên Phủ
Nguyễn Ngọc Khiếu
- 48** Xuất xứ của một số chữ Hán khắc trên các vách đá ở Thanh Hóa
Hương Nao
- 50** Lịch sử, ý nghĩa Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6
Ban Biên tập
- 53** Xứ Thanh - nơi phát xuất hai dòng tín ngưỡng bản địa Việt Nam
Nguyễn Thị Quế
- 56** Văn hóa truyền thống của người Thái huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trần Thị Liên

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

ThS. Trần Duy Bình

*TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hoá;
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT Thanh Hóa*

Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) trở thành yếu tố đầu vào quan trọng nhất của lực lượng sản xuất hiện đại, là chìa khóa quyết định tốc độ và chất lượng phát triển của các quốc gia và nền kinh tế. Vai trò của khoa học và công nghệ (KH&CN) trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước luôn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 được thông qua tại Đại hội XIII của Đảng nêu rõ quan điểm: Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào KH&CN&ĐMST và chuyển đổi số;... Xây dựng nền kinh tế tự chủ dựa trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy KH&CN&ĐMST bứt phá và phát triển, là yếu tố quan trọng tạo nên thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xây dựng và phát triển các sàn giao dịch công nghệ, thiết

bị có vai trò cốt lõi trong phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đóng góp vào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

Để phát triển sàn giao dịch công nghệ, thiết bị và các tổ chức trung gian cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: hỗ trợ việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia công nghệ, dữ liệu các tổ chức trung gian chuyên nghiệp trên thị trường KH&CN để có thể tư vấn về công nghệ, pháp lý, hỗ trợ kết nối cung cầu, hỗ trợ gọi vốn để hoàn thiện công nghệ... Trong đó, đặc biệt quan trọng là giải pháp phát triển đồng bộ hạ tầng KH&CN, hạ tầng thông tin KH&CN.

Thực trạng hạ tầng thông tin KH&CN, sàn giao dịch công nghệ, thiết bị của tỉnh Thanh Hoá

Về hạ tầng thông tin và thông tin KH&CN Thanh Hoá

Là một bộ phận trong chuỗi hoạt động KH&CN, trong thời gian qua, hạ tầng và thông tin KH&CN Thanh Hoá đã có những đóng góp tích cực trong việc chuyển tải, phổ biến kiến thức KH&CN, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, xây dựng nguồn lực thông tin về KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Thực hiện Kế hoạch hành động số 27-KH/TH ngày 13/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa thực hiện khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN... và các văn bản, quyết định, đề án quan trọng khác, hạ tầng thông tin KH&CN của tỉnh đang được quan tâm và phát triển. Giai đoạn 2021 - 2023 có 11 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển khoa học công nghệ với tổng mức đầu tư là 275 tỷ đồng. Hạ tầng viễn thông cơ bản được đáp ứng, đến nay đường truyền tốc độ cao được kéo đến 100% điểm bưu điện văn hóa xã, 80% điểm du lịch trọng điểm được phủ Internet không dây công cộng... Hầu hết các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố đều đã có trang thông tin điện tử phản ánh nhanh chóng, kịp thời các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh được đầu tư đồng bộ, hiện đại đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hệ thống thông tin KH&CN đã và đang hoạt động có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho nhu cầu thông tin của các nhà quản lý, người dân, doanh nghiệp, rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu, thực nghiệm và thực tiễn sản xuất.

Tuy nhiên, hạ tầng thông tin và hệ thống thông tin KH&CN trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, như: nguồn tin khoa học và công nghệ còn hạn chế, phân tán, lạc hậu; sự liên kết, phối hợp giữa các tổ chức thông tin KH&CN trong mạng lưới còn lỏng lẻo; việc ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu KH&CN tiên tiến trong hoạt động thông tin KH&CN chưa được chú



Phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, thiết bị (Ảnh minh họa).

trọng. Cơ sở dữ liệu (CSDL) về hoạt động KH&CN còn chưa phong phú về nội dung, chưa đáp ứng được nhu cầu về hoạt động KH&CN nói chung và phục vụ việc tra cứu, thống kê... nói riêng. Mạng Internet, mạng LAN có tốc độ đường truyền chậm; trang thiết bị phục vụ số hóa còn thiếu và không đồng bộ; hệ thống phần mềm quản lý hoạt động KH&CN chưa đáp ứng nhu cầu nhập dữ liệu, lưu trữ, tổng hợp, chiết xuất các báo cáo theo yêu cầu quản lý. Những hạn chế trên đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước; tìm kiếm thông tin, kết nối về hoạt động KH&CN trong thời kỳ mới.

Về sản giao dịch công nghệ, thiết bị trên địa bàn tỉnh

Tỉnh Thanh Hóa đã bắt đầu hình thành và phát triển thị trường KH&CN; trong đó, hệ thống doanh nghiệp KH&CN phát triển tương đối nhanh. Các kết quả nghiên cứu KH&CN bước đầu đã có tính ứng dụng thực tiễn. Một số tổ chức KH&CN đã thương mại hoá kết quả nghiên cứu KH&CN thông qua các hợp đồng chuyển giao (ví dụ: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Khoa học kỹ thuật giống cây trồng nông nghiệp chuyển giao 03 giống lúa thuần Việt trị giá 900 triệu đồng, Trường Đại học Hồng Đức chuyển giao giống lúa Hồng Đức 9 trị giá 250 triệu đồng...).

Hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh được các doanh nghiệp quan tâm (chỉ số công nghệ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt mức trung bình 0,538); đầu tư cho KH&CN chủ yếu đang tập trung ở một số doanh nghiệp KH&CN lớn của tỉnh như: Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Tiến Nông, Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta...

Bên cạnh đó, tỉnh đã tích cực tổ chức cho các tổ chức, cá nhân tham gia các hội chợ công nghệ thiết bị (techmart), diễn đàn kết nối cung - cầu do Bộ KH&CN tổ chức;

tích cực hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm.

Tuy nhiên, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh vẫn còn lạc hậu so với nhu cầu phát triển của thị trường. Các doanh nghiệp, tổ chức còn thiếu thông tin về công nghệ mới, công nghệ có khả năng chuyển giao. Thực tiễn này đặt ra Thanh Hóa cần thiết đầu tư xây dựng sàn giao dịch công nghệ, thiết bị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã chỉ rõ: “đối với lĩnh vực thông tin KH&CN có 03 tổ chức, trong đó có 01 Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Sở KH&CN Thanh Hóa”.

Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng các công nghệ mới của Cách mạng công nghệ 4.0 phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020 - 2025 đã nêu cụ thể: “Tổ chức hoạt động Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị thuộc Sở KH&CN Thanh Hóa nhằm hỗ trợ trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu ứng dụng công nghệ 4.0”.

Năm 2023, Sở KH&CN được giao chủ trì và đang triển khai xây dựng đề án “Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tỉnh Thanh Hóa. Dự kiến sẽ xây dựng Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị hoạt động với 02 hình thức: sàn vật lý và sàn trực tuyến; có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, các công cụ tiện ích và các nguồn lực cần thiết.

Một số giải pháp phát triển hạ tầng thông tin KH&CN, sàn giao dịch công nghệ, thiết bị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2030

Một là, nâng cao nhận thức của các tổ chức hoạt động KH&CN, các doanh nghiệp về tính tất yếu của việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất, từ đó tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả phù hợp, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Hai là, hoàn thiện hành lang pháp lý và tập trung nguồn lực để thực hiện triển khai đồng bộ hạ tầng KH&CN, trong đó có hạ tầng thông tin KH&CN.

Ba là, đầu tư xây dựng bộ CSDL về kết quả nghiên cứu các đề tài dự án, CSDL về tài liệu điều tra cơ bản, CSDL về công nghệ nông thôn, CSDL về báo cáo - thông kê KH&CN trên địa bàn tỉnh; CSDL về công nghệ và thiết bị mới trong nước và quốc tế.

Bốn là, đầu tư xây dựng thành công sàn giao dịch công nghệ, thiết bị theo định hướng 2 giai đoạn:

Giai đoạn từ nay đến năm 2025: Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị trực tuyến; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện có để xây dựng sàn vật lý: vận hành sàn và phục vụ tra cứu thông tin công nghệ và kết nối cung - cầu công nghệ trực tuyến.

Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: Duy trì, khai thác Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị trực tuyến và xây dựng khu vực Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị độc lập với diện tích dự kiến (250m² x 2 tầng), đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn tỉnh và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ.

Năm là, phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp KH&CN; xây dựng CSDL về công nghệ và dữ liệu thông tin kết nối đơn vị, doanh nghiệp có cung - cầu về công nghệ và thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận với những công nghệ và thiết bị tiên tiến, hiện đại trước khi quyết định đầu tư.

Sáu là, ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Đổi mới phương thức quản lý tài nguyên thông tin KH&CN trong các cơ quan nhà nước; tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu KH&CN phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của các cơ quan Nhà nước.

Bảy là, chủ động thu hút và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao về KH&CN; tăng cường phối hợp, học tập kinh nghiệm, chia sẻ thông tin truyền thông KH&CN với vùng Bắc Trung Bộ, các viện, trường, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Nhận thức được tầm quan trọng cũng như xu thế tất yếu của phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã từng bước hiện thực hoá chủ trương của Đảng trong chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh phát triển KH&CN nói chung và hạ tầng thông tin KH&CN, sàn giao dịch công nghệ, thiết bị nói riêng.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh Thanh Hóa đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đầu tư, xây dựng hạ tầng thông tin KH&CN, sàn giao dịch công nghệ, thiết bị là cơ hội để phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh. Đây chính là tiền đề để ngành KH&CN Thanh Hóa tiếp tục phát huy sức mạnh trong thời gian tới; góp phần xây dựng Thanh Hóa trở thành trung tâm KH&CN, đào tạo và chăm sóc y tế hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ theo tinh thần Nghị quyết 58/NQ-TW của Bộ Chính trị./.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Quốc Uy

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Trong tiến trình lịch sử xây dựng và phát triển của đất nước, đội ngũ trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức, tạo nguồn lực quan trọng mọi chiến lược phát triển của quốc gia, dân tộc.

Đội ngũ trí thức Thanh Hóa với lực lượng đông đảo, có mặt trong hầu hết các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế của tỉnh; không ngừng lớn mạnh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Trí thức Thanh Hóa hiện nay có trên 236.000 người (có trên 30 phó giáo sư, gần 400 tiến sĩ và hàng nghìn thạc sĩ); trong đó có một bộ phận là những trí thức trong đội ngũ cán bộ hưu trí và đương nhiệm, hoạt động trong hệ thống

của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp của tỉnh.

Riêng trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) hoạt động trong hệ thống Liên hiệp hội có trên 24.000 hội viên, chiếm tỷ lệ 10,16% trí thức của tỉnh; trong đó: số hội viên có trình độ từ đại học trở lên



Diễn đàn KH&CN với chủ đề “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoạt động khoa học, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030”.

là 12.287 người (chiếm tỷ lệ 52%), trong đó: 24 phó giáo sư, 287 tiến sĩ, 2.315 thạc sĩ và tương đương, 9.661 đại học. Đây là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động KH&CN; tuyên truyền, phổ biến kiến thức; tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Công tác tập hợp, đoàn kết, vận động trí thức trong hệ thống Liên hiệp hội được quan tâm bằng nhiều hình thức phù hợp và có hiệu quả: Tuyên truyền, gặp gỡ, thăm hỏi, động viên trí thức nhân ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5); kỷ niệm ngày thành lập Liên hiệp hội (28/10); phối hợp với Sở KH&CN, các trường đại học, viện nghiên cứu tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về xây dựng đội ngũ trí thức và phát triển KH&CN; tổ chức phát động đông đảo trí thức tham gia các Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam nhằm khuyến khích, thúc đẩy phong trào sáng tạo KH&CN, ứng dụng vào sản xuất và đời sống; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy thăm, chúc tết, tặng quà cho trí thức, nhà khoa học tiêu biểu; tham mưu cho Thường trực UBND tỉnh xét chọn và tôn vinh trí thức tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa; hằng năm tổ chức vinh danh trí thức, cán bộ, hội viên xuất sắc; tạo điều kiện để trí thức trực tiếp trao đổi, bày tỏ suy nghĩ, nguyện vọng và hiến kế đóng góp cho sự phát triển của tỉnh nhà.

Trong công tác truyền thông, phổ biến kiến thức về KH&CN, đội ngũ trí thức đã có nhiều hoạt động như việc tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phổ biến những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước và thế giới; giới thiệu gương người tốt, việc tốt, những mô hình hoạt động thiết thực và hiệu quả; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình ứng dụng KH&CN tiên tiến để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, chuyển giao

tiến bộ kỹ thuật, xây dựng các mô hình sinh kế cho đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi và đồng bào vùng khó khăn ven biển trên địa bàn tỉnh.

Đối với đội ngũ trí thức trong hệ thống Liên hiệp hội, các hoạt động trên đã trở thành thường xuyên với các hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn. Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên đã phối hợp với các đơn vị khoa học trong tỉnh tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ KH&CN cho cán bộ, hội viên và Nhân dân góp phần nâng cao dân trí, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, cải thiện đời sống của người dân. Chỉ tính riêng trong 5 năm vừa qua (2018 - 2023), hệ thống Liên hiệp hội đã tổ chức hơn 660 cuộc tập huấn, hội thảo, tọa đàm, truyền thông, phổ biến kiến thức cho gần 30.000 lượt người tại các địa phương, đạt hiệu quả tích cực và tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và giám định xã hội của trí thức Thanh Hóa trong những năm gần đây có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã chủ trì thực hiện hàng nghìn nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở trên hầu hết các lĩnh vực. Năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân có tiến bộ rõ rệt, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong nhiều năm qua. Chỉ tính riêng trong hệ thống Liên hiệp hội, 5 năm gần đây, đã chủ trì thực hiện 713 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp ngành và cấp cơ sở.

Đội ngũ trí thức thuộc Liên hiệp hội, từ 2018 đến nay, đã tham gia tư vấn, tham vấn và phản biện 685 nhiệm vụ; trong đó có 40 nhiệm vụ cấp bộ, 544 nhiệm vụ cấp tỉnh và 101 nhiệm vụ cấp cơ sở, là các chương

trình, đề án, dự án đầu tư, quy hoạch, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đánh giá tác động môi trường, tư vấn và hỗ trợ pháp luật, các dự án trùng tu, tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa... Riêng cơ quan Liên hiệp hội được Chủ tịch UBND tỉnh giao phân biện 40 nhiệm vụ là các chương trình, đề án, dự án thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tài nguyên môi trường... đã quy tụ được các nhà khoa học, các nhà quản lý của Trung ương và địa phương, đổi mới cách làm, chất lượng được nâng lên rõ rệt, góp phần cung cấp đầy đủ các luận cứ khoa học và thực tiễn, giúp các đơn vị soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện các chương trình, đề án, dự án, đủ điều kiện để cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Những thành tựu, kết quả nổi bật của tỉnh đạt được trong thời gian qua là công sức của cả hệ thống chính trị, trong đó có đóng góp to lớn, quan trọng của đội ngũ trí thức. Nhìn tổng thể, đội ngũ trí thức Thanh Hóa đã không ngừng phát triển, lớn mạnh và trưởng thành, đóng góp to lớn về sức lực, trí tuệ trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, Liên hiệp hội là tổ chức giữ vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức tích cực tham gia giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng tỉnh Thanh Hóa giàu đẹp, văn minh.

Tuy nhiên, thời gian qua, việc tập hợp và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thanh Hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng còn bộc lộ nhiều khó khăn, hạn chế. Đó là:

Thứ nhất, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức và trách nhiệm đối với đội ngũ trí thức chưa đầy đủ, sâu sắc; chưa gắn việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng đội ngũ trí

thức vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch hằng năm cũng như dài hạn của ngành, địa phương. Một số nơi chưa chú trọng lắng nghe các tham vấn, tư vấn về chuyên môn của trí thức, chưa định kỳ tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của trí thức.

Thứ hai, môi trường làm việc một số đơn vị chưa thực sự phát huy dân chủ, tự do sáng tạo trong hoạt động của trí thức. Công tác cán bộ, công tác quản lý, nhất là khâu đánh giá, sử dụng, đãi ngộ trí thức còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển ngành và lĩnh vực. Nhiều ngành, địa phương chưa có kế hoạch cụ thể về rà soát, thống kê lực lượng trí thức, chưa xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ trí thức của đơn vị mình.

Thứ ba, trong những năm gần đây, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện của cấp ủy đảng, chính quyền; nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh, động viên, khen thưởng trí thức được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, tạo môi trường thuận lợi cho trí thức được tự do sáng tạo và cống hiến. Tuy nhiên, một số chính sách chưa đủ mạnh; chính sách thu hút trí thức có trình độ cao chưa thực sự hấp dẫn; chưa có nhiều chính sách hỗ trợ, phát triển đội ngũ trí thức hoạt động trong các doanh nghiệp; một số ngành, địa phương chưa cụ thể hóa các chính sách của tỉnh, chưa tạo điều kiện cho các hội trí thức thực hiện các dịch vụ công, chưa lấy ý kiến tham vấn, tư vấn của các hội trí thức chuyên ngành khi giải quyết các vấn đề lớn trong lĩnh vực chuyên môn. Hoạt động tôn vinh trí thức nhiều nơi chưa được chú trọng, chưa khuyến khích được trí thức nghiên cứu, sáng tạo và cống hiến.

Thứ tư, chưa phát huy tốt vai trò của Liên hiệp hội và các hội khoa học kỹ thuật chuyên ngành. Việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống còn hạn chế. Chất lượng tư vấn, phản



Liên hiệp hội tổ chức Hội thảo phản biện “Đề án thành lập bệnh viện lão khoa tỉnh Thanh Hóa”.

biện còn chưa cao; chưa tham mưu đề xuất được nhiều các nhiệm vụ, giải pháp hiệu quả để giải quyết những vấn đề quan trọng phát sinh trong thực tiễn phát triển của tỉnh. Một số hội thành viên thuộc Liên hiệp hội chưa đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, môi trường tập hợp trí thức thiếu hấp dẫn nên tỷ lệ trí thức tham gia vào tổ chức chưa cao; chưa thu hút được nhiều các chuyên gia đầu ngành, trí thức trẻ, trí thức trong các doanh nghiệp, trí thức là người Thanh Hóa ở tỉnh ngoài tham gia hoạt động.

Thứ năm, năng lực, trình độ chuyên môn của một số hội viên chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Một bộ phận trí thức chưa thực sự tâm huyết, chưa đầu tư nhiều thời gian, công sức, trí tuệ cho học tập và nghiên cứu. Đội ngũ chuyên gia đầu ngành thuộc các lĩnh vực còn thiếu và yếu; cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động của một

số hội chuyên ngành gặp nhiều khó khăn; công tác phối hợp, tạo điều kiện của các đơn vị bảo trợ còn hạn chế.

Đây chính là những “điểm nghẽn”, cản trở và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng việc tập hợp và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới, đòi hỏi cả hệ thống chính trị cần tập trung giải quyết và tháo gỡ.

Trong bối cảnh thế giới ngày càng biến đổi và đứng trước nhiều thách thức, đặc biệt sự phát triển của công nghệ thông tin, chuyển đổi công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, đội ngũ các nhà trí thức KH&CN đóng vai trò động lực, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN ở các lĩnh vực khác nhau, tiên phong trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển quê hương, đất nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX đã đề ra mục tiêu “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh; phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội, đóng góp trí tuệ, công sức vào sự phát triển của tỉnh”.

Để thực hiện mục tiêu quan trọng đó, công tác tập hợp, xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức cần tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, tập trung tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng đội ngũ trí thức và phát triển KH&CN, nhất là Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 10/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW; ; qua đó nhằm khơi dậy lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm và khát vọng cống hiến của đội ngũ trí thức đối với quê hương, đất nước; phát huy sức mạnh tổng hợp, tinh thần đoàn kết của trí thức, tích cực đóng góp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hai là, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, trọng dụng nhân tài. Tạo đột phá, chuyển biến toàn diện về chất lượng đào tạo nhân lực có trình độ cao, nhân lực phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn, quan trọng, thiết yếu tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu khoa học, xác định lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm gắn với yêu cầu phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo.

Ba là, tăng cường quản lý Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng

tạo, đề cao đạo đức, trách nhiệm của trí thức trong hoạt động KH&CN, giáo dục và đào tạo, văn hóa, văn học, nghệ thuật. Có cơ chế chính sách ưu tiên đột phá, nhất là chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, chính sách tiền lương, chính sách khen thưởng, tôn vinh trí thức, tạo môi trường làm việc dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo, tự giác cống hiến của đội ngũ trí thức. Tạo điều kiện để trí thức tham gia đóng góp ý kiến tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với việc hoạch định chính sách, xây dựng và triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, công trình, dự án quan trọng thực hiện mục tiêu phát triển của tỉnh. Đổi mới công tác quản lý KH&CN; tăng cường nguồn lực cho nghiên cứu khoa học; hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN, các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu trong hoạt động KH&CN.

Bốn là, Liên hiệp hội, Hội Văn học và Nghệ thuật tỉnh, các hội chuyên ngành của đội ngũ trí thức cần chủ động nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan chức năng đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động; tăng cường hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức; nghiên cứu khoa học; tôn vinh trí thức; tư vấn phản biện và giám định xã hội. Chủ động phát hiện, thu hút, tập hợp các chuyên gia đầu ngành, trí thức trẻ, trí thức trong các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động hội, tạo môi trường hoạt động dân chủ trong nghiên cứu, trao đổi học thuật để trí thức tích cực và tự giác tham gia, đóng góp thiết thực giải quyết các vấn đề đã và đang nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống; gắn nghiên cứu khoa học với các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình phát triển của tỉnh; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, xứng đáng là mái nhà chung của đông đảo đội ngũ trí thức tỉnh nhà./.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HỘI TIN HỌC THANH HÓA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ, NÂNG CAO KIẾN THỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN TRONG TỈNH, GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

TS. Nguyễn Ngọc Túy

*Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa,
Chủ tịch Hội Tin học Thanh Hóa*

Xác định rõ mục tiêu chiến lược về chuyển đổi số (CDS) quốc gia, Đảng và Nhà nước đã có các chủ trương, chính sách rất kịp thời để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Điển hình là việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Thanh Hóa, Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng đã ban hành các Nghị quyết, kế hoạch hành động về CDS tỉnh Thanh Hóa. Đây là những cơ sở rất quan trọng để các sở, ngành, địa phương và

các tổ chức, doanh nghiệp triển khai CDS tại đơn vị mình, góp phần vào thành công chung trong CDS tỉnh Thanh Hóa.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh, Hội Tin học Thanh Hóa đã có nhiều đóng góp tích cực vào CDS tỉnh Thanh Hóa, khẳng định được vai trò, vị trí theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Kết quả chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2023

Thời gian qua, công tác CDS và phát triển công nghiệp CNTT của tỉnh Thanh Hóa đạt

được nhiều kết quả đáng khích lệ, đóng góp vào sự phát triển chung về kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình CDS luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, được triển khai đồng bộ, đổi mới góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, lợi ích của CDS.

Về thể chế số, Thanh Hóa là một



Đại diện lãnh đạo VNPT Thanh Hóa giới thiệu về hệ thống giám sát và điều hành thông minh tỉnh.

trong những địa phương sớm ban hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về CDS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 10/11/2021); xây dựng bộ tiêu chí mô hình CDS cấp huyện, cấp xã và giao chỉ tiêu hoàn thành CDS cho UBND cấp huyện, cấp xã đến năm 2025.

Hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông và hạ tầng CNTT) cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông quan tâm đầu tư nhằm phục vụ tốt công tác CDS. Ví dụ điển hình về truyền hình hội nghị, hiện tại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức được truyền hình hội nghị 5 cấp (từ cấp Trung ương đến cấp thôn).

Dữ liệu số với vai trò đặc biệt quan trọng, đã được xây dựng, tích hợp, kết nối, chia sẻ nhằm phục vụ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân như: (1) Xây dựng Cổng Dữ liệu mở của tỉnh; (2) Kết nối Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa với Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư; (3) Khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip để thay thế thẻ Bảo hiểm Y tế; (4) Cập nhật, số hóa thông tin hồ sơ cho 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và đồng bộ với CSDL Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức...

Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; đổi mới phương thức làm việc; chuyển đổi quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; trong thời gian qua, toàn tỉnh đã có nhiều sự thay đổi, đổi mới và hiện đại hóa nền hành chính.

Kinh tế số đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của doanh nghiệp, người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sản thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoài tỉnh. Tỷ trọng kinh tế số trên

GRDP của tỉnh đạt 8,28% (theo Báo cáo của Ủy ban Quốc gia về CDS tháng 8/2023).

Xác định CDS là lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm và là đối tượng thụ hưởng chính các thành tựu mà CDS mang lại, thời gian qua, tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp với các bộ, ngành Trung ương triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy phát triển xã hội số, hình thành công dân số trên địa bàn tỉnh, cụ thể như: Tuyên truyền và hướng dẫn người dân cài đặt phần mềm VNeID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện trong các giao dịch cơ bản như: thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, dịch vụ công, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet; cài đặt app Thanh Hóa - S để tương tác thông tin giữa chính quyền, doanh nghiệp, người dân và du khách,...

Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng được duy trì vận hành, đảm bảo hoạt động tốt 24/24; thực hiện thường xuyên công tác sao lưu dữ liệu cho các hệ thống thông tin dùng chung của các cơ quan, đơn vị tại hệ thống Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu tỉnh Thanh Hóa.

Với các kết quả đạt được như trên, năm 2022, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục duy trì trong nhóm cao về xếp hạng CDS cấp tỉnh (xếp thứ 15/63), trong đó, một số chỉ tiêu thành phần có tăng mạnh, như: Nhận thức số (xếp thứ 1), Hoạt động xã hội số (xếp thứ 3), An toàn thông tin mạng (xếp thứ 6).

Những đóng góp của Hội Tin học Thanh Hóa đối với công tác chuyển đổi số, nâng cao kiến thức về CNTT

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Hội Tin học Thanh Hóa đã tích cực hoạt động và tổ chức thực hiện nhiều hoạt động thúc đẩy mạnh mẽ CDS trên địa bàn tỉnh, đóng góp tích cực vào các thành tích nêu trên; đồng thời, tạo được sự lan tỏa lớn và tác động hiệu quả trên cả 3 lĩnh vực: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

Về nâng cao nhận thức, kiến thức CDS, Hội đã phối hợp tham gia công tác tổ chức hội thi tin học trong khối học sinh, sinh viên; hội thi tin học trong khối cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tổ chức các hội thảo cấp tỉnh về CNTT. Vận động các chi hội, hội viên tham gia hưởng ứng các cuộc thi, hội thi, giải thưởng về khoa học công nghệ do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa phát động; vận động các tổ chức cá nhân có giải pháp, sản phẩm đăng ký dự thi các giải quốc gia như: TechFest, Sao Khuê, Nhân tài đất Việt, VIFOTEC,...

Hội Tin học Thanh Hóa đã định hướng, chỉ đạo, phân công các chi hội trực thuộc tích cực tham gia vào công tác CDS, nâng cao nhận thức, kiến thức về CNTT. Có thể kể đến một số đóng góp nổi bật của Hội Tin học Thanh Hóa như sau:

Lĩnh vực quản lý Nhà nước

Đã tham gia tham mưu xây dựng các chương trình, dự án ứng dụng CNTT và CDS trong khối các cơ quan nhà nước như: Đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng CNTT - viễn thông đảm bảo đồng bộ, hiện đại, kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước. Xây dựng, vận hành cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Hệ thống TD - Office tạo thành hệ thống đồng bộ, hiện đại, góp phần hiện đại hóa nền hành chính; theo đó, 100% cán bộ công chức các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã điều hành, xử lý công việc trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

Lĩnh vực đào tạo, tuyên truyền về nhận thức số

Với đội ngũ nòng cốt là các cán bộ giảng viên khoa CNTT và Truyền thông của Trường Đại học Hồng Đức, Hội Tin học Thanh Hóa đã tham gia nhiều chương trình ứng dụng CNTT và CDS trong lĩnh vực giáo dục; chủ động tư vấn tham mưu xây dựng các đề án về CDS đại học, tiến tới xây dựng trường đại học thông minh; tích cực tham gia hoạt

động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thông qua các đề tài, dự án khoa học công nghệ của tỉnh.

Chi hội Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh đã xây dựng Trang thông tin CDS của tỉnh tại địa chỉ <https://chuyendoiso.thanhhoa.gov.vn>; phối hợp với VNPT và các doanh nghiệp CNTT khác tập huấn, phổ biến rộng rãi kiến thức, thông tin về CDS cho các các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cho Tổ Công nghệ số cộng đồng với nòng cốt là lực lượng thanh niên để làm hạt nhân lan tỏa CDS từ cơ sở.

Lĩnh vực Doanh nghiệp số

Chi hội VNPT Thanh Hóa đã triển khai các giải pháp CDS cho tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh như: triển khai phần mềm phòng họp không giấy tờ cho HĐND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và nhiều cơ quan cấp huyện; triển khai dự án Cung cấp phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và đào tạo cho Sở Nội Vụ tỉnh, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính; phối hợp triển khai đề án CSDL quốc gia về dân cư, đề án CSDL công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; nâng cấp phần mềm kết nối cung cầu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; triển khai hệ thống quản lý dữ liệu giáo dục vnEdu cho ngành giáo dục. Đặc biệt, chi hội đã phối hợp với Chi hội Sở Sở Thông tin và Truyền thông triển khai hiệu quả các mô hình: "03 Không", "Chợ không dùng tiền mặt", "Thôn thông minh", "Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID". Chi hội đã phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, VCCI tỉnh triển khai các giải pháp CDS doanh nghiệp như: triển khai triệt để hóa đơn điện tử theo Nghị định 123 của Chính phủ, triển khai chữ ký số trong các giao dịch kê khai thuế điện tử, kê khai bảo hiểm xã hội điện tử...; triển khai thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông,...

Chi hội Chi nhánh Viettel Thanh Hóa: Đã tham gia xây dựng và triển khai các giải pháp CNTT với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện, cơ sở hạ tầng để phục vụ cho việc phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số cho tỉnh Thanh Hóa.

Chi hội công ty ThinkLabs: Thực hiện tham gia vào quá trình thực hiện CDS của tỉnh Thanh Hóa, thông qua việc thực hiện các sản phẩm công nghệ được ứng dụng trong và ngoài tỉnh như: xây dựng cổng dữ liệu mở của tỉnh, xây dựng phần mềm phản ánh kiến nghị của người dân cho Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng ứng dụng Smart Thanh Hóa.

Chi hội Công ty Tân Thanh Phương: Đã tích cực triển khai hiệu quả nhiều giải pháp CDS trong lĩnh vực thương mại điện tử như: xây dựng phần mềm Hệ sinh thái đất nông nghiệp, làng nghề huyện Thọ Xuân (Số hóa, GIS, Web hóa số liệu bản đồ hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất, nông hóa thổ nhưỡng ...); hoàn thiện sàn thương mại điện tử langnghethoxuan.vn (Số hóa hơn 300 cơ sở sản xuất kinh doanh; hợp tác xã nông nghiệp; sản phẩm nông nghiệp, làng nghề; 14 sản phẩm OCOP); hoàn thiện sàn thương mại điện tử langnghethanhhoa.vn hoặc langnghedulich.vn.

Các chi hội thành viên khác (Công ty G8, Minh Lộ, Á Châu, HiTech, Nam Phong, Mạnh Đình, Pro F1, Hàm Rồng Media, LigoSoft...) cũng đóng góp rất tích cực vào sự phát triển chung của thị trường CNTT trên địa bàn tỉnh ở nhiều mảng dịch vụ số khác nhau từ phần cứng, hạ tầng CNTT - viễn thông, giải pháp phần mềm nền tảng, phần mềm ứng dụng,...), góp phần tạo ra một sân chơi lành mạnh, minh bạch, tạo dựng được thương hiệu của các doanh nghiệp công nghệ trên phạm vi cả nước, là niềm cảm hứng về CDS trên địa bàn tỉnh.

Để triển khai hiệu quả CDS tỉnh Thanh Hóa theo các chủ trương, chính sách của

Tỉnh ủy, UBND tỉnh; bằng các hành động thực tiễn, Hội Tin học Thanh Hóa xin đề xuất một số nội dung sau đây:

Một là, CDS là việc chưa có tiền lệ, nhận thức đúng là rất quan trọng và là việc khó. Quan trọng là quyết tâm, dám làm của lãnh đạo, thay vì đặt câu hỏi “hết bao nhiêu tiền”, “tiền ở đâu”.

Hai là, để thay đổi thói quen từ cuộc sống trên môi trường thực sang cuộc sống trên môi trường số cần tuyên truyền, trang bị kỹ năng để người dân/doanh nghiệp tin tưởng và sống an toàn trên môi trường số.

Ba là, đề xuất rà soát, thay thế triệt để hình thức trả lương hưu, chế độ chính sách, các khoản trợ cấp an sinh bằng tiền mặt hiện nay sang hình thức trả qua ứng dụng số.

Bốn là, triển khai nền tảng tập trung, khuyến khích nhiều đơn vị tham gia trên nền tảng dùng chung, tránh tình trạng “trăm hoa đua nở” trong CDS.

Năm là, nên tiếp cận CDS từ những việc đơn giản nhất, dễ nhận thấy nhất đối với chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

Sáu là, tuyên truyền thay đổi nhận thức để tiếp cận CDS theo hướng đơn giản, cụ thể, dễ hiểu, dễ sử dụng theo hướng cầm tay chỉ việc; tránh dùng những thuật ngữ chuyên ngành, hàn lâm.

Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu “lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực, nguồn lực của CDS. CDS phải để người dân, doanh nghiệp hưởng lợi từ dịch vụ công, tiện ích xã hội thuận tiện hơn, nhanh hơn, hiệu quả hơn và chính họ sẽ tạo ra nguồn lực cho sự phát triển”. Hội Tin học Thanh Hóa cam kết sẽ đồng hành, hợp tác, phối hợp, chia sẻ để triển khai hiệu quả các kế hoạch, chương trình CDS, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng các đô thị thông minh... trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, góp phần hiện thực hóa khát vọng thịnh vượng của quê hương./.

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

PGS.TS. Hoàng Thị Mai

*Phó Hiệu trưởng
Trường Đại học Hồng Đức*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước là một xu thế tất yếu của các trường đại học Việt Nam hiện nay. Liên kết đào tạo trong nước nhằm thực hiện chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội; huy động tiềm năng của các cơ sở giáo dục đại học và các nguồn lực khác để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương và vùng miền. Hợp tác quốc tế trong đào tạo đại học và sau đại học giúp các trường đại học phát triển bền vững theo hướng hiện đại, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế về giáo dục, vận dụng được thành tựu của các nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”. Nhận thức sâu sắc

xu thế và tầm quan trọng của liên kết đào tạo, từ khi thành lập đến nay, việc liên kết, hợp tác trong đào tạo đại học và sau đại học luôn là một trong những định hướng chiến lược quan trọng được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Hồng Đức qua các thời kỳ luôn quan tâm, triển khai thực hiện.

Thực trạng liên kết, hợp tác đào tạo đại học giữa Trường Đại học Hồng Đức với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong và ngoài nước

Liên kết đào tạo trong nước:

Nhà trường liên tục mở rộng quy mô, hình thức liên kết và nâng cao hiệu quả hoạt động liên kết đào tạo với các đơn vị trong và ngoài tỉnh như: liên kết với VNPT và các doanh nghiệp về công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để đào tạo kỹ sư CNTT theo đặt hàng; liên kết với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để đào tạo cử nhân các ngành quản trị kinh doanh, kế toán theo đặt hàng đào tạo; liên kết, hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường chuyên nghiệp ở Thanh Hóa, Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Sơn La, Hà Giang, Đắk

KHOA HỌC THANH HÓA

Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác để tuyển sinh và đào tạo giáo viên theo nhu cầu các địa phương. Đối tượng người học chủ yếu thuộc khối ngành đại học sư phạm, gồm: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, giáo dục Tiểu học, giáo dục Mầm non, giáo dục Thể chất...

Số lượng học viên liên kết đào tạo trình độ đại học từ năm 2017 đến năm 2023 cụ thể như sau:

Bảng 1. Tổng số học viên đã và đang học tập trình độ đại học của trường thông qua liên kết đào tạo từ năm 2017 đến năm 2023

Đơn vị: người

	Tổng số học viên
Năm 2017	797
Năm 2018	1.174
Năm 2019	1.670
Năm 2020	2.518
Năm 2021	2.186
Năm 2022	2.360
Năm 2023	983

Hàng trăm doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trong và ngoài tỉnh đã tham gia quá trình đào tạo đại học cùng với nhà trường qua các hình thức: đặt hàng đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp; tài trợ học bổng; tham gia góp ý kiến/đặt yêu cầu về chuẩn đầu ra mà sinh viên của trường cần đạt được; tham gia góp ý chương trình đào tạo, phương pháp dạy học; phối hợp tổ chức các diễn đàn hướng nghiệp, khởi nghiệp cho sinh viên; tiếp nhận và sử dụng sinh viên, học viên sau đào tạo; hợp tác trong quá trình tổ chức thực hành, rèn nghề cho sinh viên,...

Liên kết đào tạo với nước ngoài:

Từ khi thành lập, nhà trường đã liên kết, hợp tác chặt chẽ với Sở Giáo dục và Thể thao các tỉnh Hòa Bình, Xiêng Khoảng,

Viêng Chăn... của nước CHDCND Lào trong việc tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý và đào tạo lưu học sinh Lào. Trong giai đoạn 2010 - 2021, nhà trường đã tuyển sinh và đào tạo gần 900 lưu học sinh Lào.

Hợp tác với Đại học Zielona Gora (Ba Lan) gửi sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm vật lý sang học 1 năm để lấy văn bằng đại học thứ hai của Đại học Zielona Gora; hợp tác trao đổi giảng viên và sinh viên đại học ngành du lịch với Đại học Zittau (Đức); trao đổi sinh viên thực tập và công nhận tín chỉ ngành đại học CNTT với Đại học Polytech Tours (Pháp); hợp tác với Viện SEED của Singapore để đào tạo các kỹ năng nghề cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, CNTT và du lịch; hợp tác với một số trung tâm thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ để đào tạo tiếng Anh, kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên khoa ngoại ngữ và toàn trường; hợp tác với DAAD của CHLB Đức và các trường đại học của Đức, Ba Lan, Pháp, Hoa Kỳ... để các chuyên gia tham gia giảng dạy các chương trình đại học sư phạm Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán, Vật lý, Du lịch... của nhà trường.

Nhìn chung, quy mô, ngành nghề, hình thức hợp tác, liên kết đào tạo đại học của nhà trường ngày càng mở rộng và có chiều sâu. Qua hợp tác, liên kết đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, địa phương ngày càng đáp ứng được nhu cầu công việc; năng lực đào tạo của nhà trường cũng ngày càng được nâng cao.

Thực trạng liên kết, hợp tác đào tạo sau đại học giữa Trường Đại học Hồng Đức với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài

Đến nay, Nhà trường đã có 26 chuyên ngành đào tạo trình độ sau đại học với 06 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 20

chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Quy mô đào tạo hằng năm từ 400 - 500 học viên cao học và nghiên cứu sinh; đã cấp bằng thạc sĩ cho gần 2.700 học viên và cấp bằng tiến sĩ cho 08 nghiên cứu sinh.

Về hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước:

Nhà trường tập trung đào tạo và mở mới các chuyên ngành sau đại học và không thực hiện liên kết đào tạo sau đại học trong nước theo quy định nhưng vẫn đẩy mạnh việc trao đổi, hợp tác với các cơ sở giáo dục trong nước thông qua việc mời các chuyên gia hàng đầu đến thỉnh giảng, hướng dẫn luận văn, luận án, tham gia các hội đồng xây dựng và nghiệm thu chương trình đào tạo, hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; hợp tác nghiên cứu và công bố quốc tế...

Về liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài:

Năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức và Trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc thực hiện Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh với 02 khoá đào tạo và 64 học viên được cấp bằng thạc sĩ của Đại học Soongsil. Chương trình liên kết thành công đã đáp ứng nhu cầu của cán bộ, viên chức trong việc tiếp cận với chương trình đào tạo tiên tiến thế giới; đồng thời giúp Nhà trường hoàn thiện công tác quản lý đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Năm 2023, nhà trường đã hợp tác xây dựng xong Đề án chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh giữa nhà trường với Trường Đại học Khoa học



Các cán bộ, giảng viên của nhà trường nhận chứng chỉ tham dự chuỗi hội thảo tập huấn nâng cao năng lực quốc tế hóa giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Australia tổ chức.

ứng dụng Anhalt, CHLB Đức (học bằng tiếng Anh, 1 năm học ở Trường Đại học Hồng Đức, 1 năm học ở Đại học Khoa học ứng dụng Anhalt), hiện đang triển khai thực hiện tuyển sinh khóa 1. Chương trình hợp tác thành công sẽ cung cấp cho tỉnh và các địa phương một nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có năng lực ngoại ngữ tốt, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nghiên cứu/giảng dạy, lãnh đạo/quản lý trong doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng việc liên kết, hợp tác đào tạo trong nước và nước ngoài của nhà trường hiện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng thể mạnh, nhu cầu hội nhập và phát triển của tỉnh và đất nước, đó là: hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo còn hạn chế; đào tạo theo đơn đặt hàng chủ yếu tập trung ở khối sư phạm; hợp tác nước ngoài chưa toàn diện và đồng đều giữa các đơn vị trong trường...

Một số giải pháp thúc đẩy hợp tác, liên kết đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Hồng Đức đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2030

Một là, xây dựng chiến lược, mục tiêu, kế hoạch liên kết, hợp tác đào tạo cụ thể, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hoá giai



Học viên cao học chuyên ngành CNTT, Đại học PolyTech Tours, Cộng hòa Pháp sang Trường Đại học Hồng Đức học tập

đoạn 2021 - 2030. Đây là giải pháp quan trọng, là tiền đề, nền tảng để việc liên kết, hợp tác đào tạo được định hướng và triển khai một cách hiệu quả. Trước hết, phải nghiên cứu các dự báo, định hướng về nhu cầu nguồn nhân lực của các ngành nghề, địa phương trong tỉnh phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; từ đó bổ sung vào kế hoạch chiến lược phát triển đào tạo, hợp tác đào tạo của nhà trường. Các ngành nghề đào tạo hiện có của Nhà trường phải được rà soát, phát triển, mở rộng; ưu tiên hợp tác đào tạo với các trường đại học uy tín trong và ngoài nước các ngành mà tỉnh đang cần như: công nghệ thông tin, chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, tài chính, quản trị, du lịch, giáo dục và y tế chất lượng cao... các ngành nghề hợp tác đào tạo phải góp phần thực hiện mục tiêu: Đến năm 2030 Thanh Hóa phấn đấu trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp

nặng, công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, văn hóa và thể thao.

Hai là, lựa chọn, xây dựng và áp dụng một số chương trình đào tạo tiên tiến bậc đại học và sau đại học tiếp cận chuẩn đào tạo, chuẩn đầu ra của sản phẩm đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của khu vực và quốc tế; từng bước chuẩn hóa chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Ba là, thúc đẩy hợp tác, triển khai các chương trình liên kết đào tạo đa dạng với các trường đại học nước ngoài như: đa dạng hóa các mô hình liên kết; hợp tác xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện công nhận tín chỉ tương đương; trao đổi sinh viên, học viên và cán bộ giảng viên; hằng năm cử chuyên gia, giảng viên, SV thuộc các lĩnh vực khác nhau của nhà trường sang trường đại học, học viện của các nước trên thế giới học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; hợp tác nghiên cứu, tổ chức các hội thảo, diễn đàn, công bố quốc tế, hướng dẫn thực hành thực tập chung,...

Bốn là, chú trọng bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ của giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ với nước ngoài. Tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ giảng viên của trường tham gia và tích cực trong hợp tác với các tổ chức, các trường đại học uy tín trên thế giới trong việc nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, thực hiện nghiên cứu khoa học gắn với nhu cầu xã hội.

Năm là, tiếp tục thúc đẩy kết nối đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp trong và ngoài nước; nắm bắt thông tin về nhu

cầu, yêu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị, từ đó có kế hoạch xây dựng, triển khai các đề án liên kết đào tạo phù hợp; hợp tác cùng doanh nghiệp trong quá trình đào tạo để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

Sáu là, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, trong đó: tập trung dạy cách học, cách tư duy và các kỹ năng mềm, ngoại ngữ, năng lực sáng tạo, dạy - học thông qua các dự án nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tiễn; tăng cường hạ tầng công nghệ số; đa dạng hóa các hình thức dạy - học đáp ứng yêu cầu biến đổi của thị trường lao động.

Bảy là, thường xuyên cập nhật những chủ trương, đường lối, nghị quyết, kết luận các hội nghị... của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, từ đó quán triệt, vận dụng cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường; tham mưu cho tỉnh về các cơ chế, chính sách đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín về công tác tại trường và các cơ quan trong tỉnh.

Trong những năm qua, hoạt động liên kết đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác, nhà trường cần phải tiếp tục tích cực, chủ động tham mưu và thực hiện đồng bộ các giải pháp trên cơ sở bám sát các quy định của pháp luật về hợp tác, liên kết trong đào tạo cũng như các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh và đất nước./.

Những giải pháp đột phá nhằm phát huy trí tuệ của trí thức cao tuổi, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá

Nguyễn Đức Thắng

Chủ tịch

Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hoá

Khoa học và công nghệ (KH&CN) có vai trò là động lực to lớn cho sự phát triển của đất nước và mỗi địa phương. Trong đó, nguồn nhân lực KH&CN là yếu tố quan trọng có tính chất quyết định của sự phát triển KH&CN. Khoa học thúc đẩy năng suất lao động, mở ra các lĩnh vực mới, chân trời mới cho sự phát triển ở mỗi quốc gia và toàn thế giới. Ngày nay, KH&CN đang phát triển như vũ bão. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm biến chuyển tư duy, định hướng phát triển ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mở ra các cơ hội, tiềm năng mới cho những đột phá mới có khả năng làm thay đổi thế giới với sức mạnh không thể tưởng tượng được. Chỉ nói về nhân bản vô tính, bản đồ gen, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, đã và đang tạo nên những xu hướng tương lai mà nhận thức hiện nay cũng chưa lường hết được phạm vi ứng dụng, khả năng, tốc độ phát triển, những tác động đến nhân loại, thế giới và mỗi quốc gia. Nhưng suy cho cùng, tất cả những điều đó, yếu tố con người, nhân lực trí thức khoa học vẫn là yếu tố quyết định nhất.

Ở nước ta, KH&CN đã được Đảng, Nhà nước đưa vào chiến lược phát triển rất sớm. Giai đoạn vừa qua, KH&CN nước ta đã có những bước tiến lớn trên nhiều lĩnh vực, theo đà phát triển KH&CN chung của thế giới, góp phần vào sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát nghèo bước vào nhóm nước đang phát triển. Đội ngũ nhân lực KH&CN ngày càng phát triển, trình độ được nâng lên dần tiếp cận trình độ quốc tế, trong đó có bộ phận trí thức cao tuổi.

Trong giai đoạn hiện nay, tốc độ già hoá dân số thế giới ngày càng tăng nhanh, nước ta cũng nằm trong nhóm các nước có tốc độ già hoá dân số cao nhất trên thế giới. Tỷ lệ người cao tuổi đã chiếm trên 12% dân số, tuổi thọ bình quân chung cả nước đạt 73,3 tuổi. Tỉnh Thanh Hóa có trên 495.700 người cao tuổi chiếm tỷ lệ 13,62%, cao hơn bình quân chung cả nước, tuổi thọ bình quân đạt 73,7 tuổi (theo điều tra dân số năm 2019).

Vấn đề phát huy vai trò người cao tuổi, đặc biệt là trí thức cao tuổi ở nước ta, tỉnh ta tuy có nhiều cố gắng nhưng đạt kết quả chưa được như mong muốn, chưa theo kịp xu hướng già hoá dân số.

Hiện nay, người cao tuổi trí thức (tính từ 60 tuổi trở lên theo Luật Người cao tuổi) ở Thanh Hoá chiếm tỷ lệ chưa phải là cao, đang sống tập trung nhiều ở các đô thị. Nhìn nhận lại, chúng ta có thể chia thành 4 nhóm:

Một là, nhóm vẫn đang tiếp tục làm việc, lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sau tuổi 60, theo quy định của Bộ Luật Lao động sửa đổi năm 2019 (như nam giới, tuổi nghỉ hưu được kéo dài đến 62 tuổi; giảng viên đại học có thể đến 65 tuổi mới nghỉ hưu).

Hai là, nhóm đã được nghỉ làm việc, lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội nhưng vẫn đang tiếp tục tham gia làm việc, hoạt động trong các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp hoặc làm việc, lao động theo nhu cầu cá nhân. Nhóm này chiếm số đông trong những người cao tuổi trí thức đang còn tiếp tục làm việc, lao động, sản xuất.

Ba là, nhóm đã nghỉ làm việc, lao động theo quy định chế độ bảo hiểm xã hội nhưng không tham gia làm việc, lao động,

sản xuất kinh doanh hoặc hoạt động xã hội khác.

Bốn là, nhóm tuổi đã cao, sức yếu không thể tham gia vào các hoạt động chung của xã hội.

Đối với trí thức là người cao tuổi ở tỉnh ta, trong những năm qua, đã được quan tâm, có nhiều chính sách, quy định, giải pháp nhằm động viên, phát huy để trí thức cao tuổi tiếp tục đóng góp trí tuệ, kiến thức, kinh nghiệm vào quá trình phát triển của tỉnh và các địa phương trong tỉnh. Trí thức cao tuổi có ưu điểm là có quá trình làm việc lâu năm (thường từ 30 - 40 năm trở lên) nên đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm, sáng tạo, trưởng thành cả về kiến thức, nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn. Đây là vốn rất quý trong nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh nhà.

Tuy vậy, việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức cao tuổi hiện có nhiều hạn chế, cụ thể là: Sau độ tuổi lao động, phần lớn trí thức đã rời vị trí làm việc, do đó các điều kiện để trí thức cao tuổi tiếp tục làm việc, sáng tạo và cống hiến rất hạn chế. Các cơ chế chính sách của Nhà nước



Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa tổ chức hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024.

nhằm tập hợp, phát huy trí thức cao tuổi đang rất ít và chưa thu hút được sự tham gia của đội ngũ trí thức về hưu. Chưa được tạo điều kiện để tiếp cận thông tin, kiến thức mới, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nhiều trí thức cao tuổi sau khi được nghỉ chế độ đã không còn giữ được nhiệt huyết với công việc.

Để phát huy vai trò, trí tuệ của đội ngũ trí thức cao tuổi đối với phát triển kinh tế - xã hội Thanh Hóa, căn cứ vào tình hình thực tiễn và xu hướng phát triển của tỉnh ta, một số giải pháp được đề xuất như sau:

Thứ nhất, đội ngũ trí thức người cao tuổi rất đa dạng về lĩnh vực, địa bàn cư trú và hoạt động, độ tuổi, tiềm lực và khả năng đóng góp. Vì vậy, muốn phát huy trí thức cao tuổi, cần phải tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ trí thức người cao tuổi trên địa bàn tỉnh.

Hai là, thường xuyên tổ chức cập nhật thông tin về kết quả, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của tỉnh ta; tổ chức trang bị nâng cao kiến thức KH&CN mới cho đội ngũ trí thức người cao tuổi. Nhiều trí thức người cao tuổi từ sau khi nghỉ công tác, rất ít điều kiện tiếp cận những kiến thức mới, xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật chuyên ngành, những thành tựu phát triển kinh - tế xã hội và các yêu cầu phát triển khoa học kỹ thuật của tỉnh. Do vậy, rất cần thiết phải giúp họ cập nhật các kiến thức, tình hình mới để có thể kết nối với kiến thức, kinh nghiệm đã có, tích cực tham gia trên các lĩnh vực công nghệ, khoa học kỹ thuật, đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

Ba là, tập hợp đội ngũ trí thức cao tuổi trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Đây là giải pháp rất quan trọng, hiện đang phát huy trí thức cao tuổi rất tốt.

Các hội chuyên ngành tập hợp trong hệ thống Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa với nhiều trí thức cao tuổi tham gia, nhiều năm qua đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh. Các hội doanh nghiệp, doanh nhân cũng tập hợp, phát huy được nhiều trí thức người cao tuổi. Vì vậy, cần tiếp tục mở rộng, phát triển thêm nhiều hội ngành trên địa bàn tỉnh, có thể phát triển rộng đến các huyện.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, cần đẩy mạnh hơn nữa loại hình doanh nghiệp trí thức cao tuổi có trình độ cao gắn kết với các nhà đầu tư; loại hình cơ sở nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học, kỹ thuật do các nhà khoa học hàng đầu chủ trì. Các loại hình này góp phần thúc đẩy thị trường khoa học, kích thích phát triển khoa học kỹ thuật trong đẩy mạnh phát triển kinh tế. Nhà nước cần có cơ chế đặt hàng hoặc mời tham gia giải quyết các đề tài, đề án kinh tế xã hội của tỉnh.

Bốn là, tăng cường giao các nhiệm vụ về tư vấn, phân biện xã hội cho trí thức cao tuổi, có thể thông qua Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh. Đây là hoạt động mang lại hiệu quả và được đánh giá cao từ lãnh đạo tỉnh, cơ quan chủ trì các chương trình, đề án, dự án đánh giá cao về chất lượng.

Năm là, đẩy mạnh việc giao các nhiệm vụ đề tài khoa học cho trí thức cao tuổi. Hình thành các nhóm nghiên cứu khoa học, trong đó lựa chọn người có năng lực, kinh nghiệm trong đội ngũ trí thức cao tuổi chủ trì các đề tài, đề án khoa học.

Sáu là, xây dựng các chính sách cụ thể, phân bổ kinh phí, điều kiện thuận lợi cho trí thức cao tuổi phát huy trí tuệ, tham gia đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh nhà./.

NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

PGS.TS. Nguyễn Thị Thục*, **ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp**
Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Du lịch là ngành công nghiệp không khói có tốc độ phát triển nhanh và đóng góp lớn về GDP cho cả nước. Thanh Hóa là địa phương có tiềm năng lớn về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Ngày 27/2/2023, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 153/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó đáng chú ý, về du lịch, điểm nhấn là đến năm 2030 Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước với các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực du lịch ngày càng cao, Trường Đại học Văn, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa cần có các giải pháp đồng bộ nhằm đẩy mạnh phát triển đội ngũ giảng viên giảng dạy các ngành thuộc lĩnh vực du lịch, đổi mới chương trình đào tạo, cập nhật các tiêu chuẩn của quốc tế trong đào tạo du lịch, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thực hành và tổ chức sự kiện du lịch, tăng cường kết nối các doanh nghiệp trong hoạt động thực tập, thực tế và giới thiệu việc làm cho sinh viên,... để nâng cao năng lực

đào tạo nguồn nhân lực du lịch, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển, thúc đẩy Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước.

Những kết quả đạt được trong công tác đào tạo nguồn nhân lực của nhà trường:

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng viên không ngừng nâng cao.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên giảng dạy tại khoa Du lịch là 42 giảng viên; trong đó có 23 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, 19 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương. Khoa Du lịch có 3 ngành đào tạo: ngành Du lịch, ngành Quản trị Khách sạn, ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lễ hành. Các giảng viên đều có trình độ đạt chuẩn từ thạc sĩ trở lên (trong đó có 8 tiến sĩ, 3 phó giáo sư). Nhìn chung, đội ngũ giảng viên giảng dạy các ngành du lịch có trình độ tương đối đồng đều, được đào tạo bài bản, chất lượng cao, có sự nhiệt tình và tâm huyết với ngành học và người học. Tỷ lệ tuổi đời của đội ngũ giảng viên trung bình từ 30 - 45 tuổi. Độ tuổi trung bình của giảng viên tương đối trẻ, đây là độ tuổi lí tưởng, năng động, sáng tạo, dễ tiếp thu

* PGS.TS. Nguyễn Thị Thục - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

KHOA HỌC THANH HÓA

kiến thức mới, cầu tiến, chững chạc trong nghề nghiệp, tâm lý ổn định. Đội ngũ giảng viên trẻ chính là nguồn lực tiềm năng, là điểm mạnh để xây dựng và thúc đẩy mọi hoạt động cũng như phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa. Yếu tố con người được xem là một trong những yếu tố then chốt giúp thay đổi về lượng và chất của công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Nhà trường ngày càng chú trọng đến việc đào tạo theo chiều sâu, thực hiện nhiều hình thức liên kết đào tạo, trao đổi học thuật chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đồng thời, khuyến khích đội ngũ cán bộ giảng viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, học thuật của mình. Với sự nỗ lực không ngừng, đội ngũ cán bộ giảng viên khoa Du lịch đã tham gia tích cực vào hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Bên cạnh đó, để ứng dụng khoa học - công nghệ vào giảng dạy, trình độ tin học, ngoại ngữ của cán bộ giảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ cũng được chú trọng bồi dưỡng, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế. Nhận thức được tầm quan trọng của tin học và ngoại ngữ đối với du lịch, nhà trường đã tạo điều kiện về mọi mặt để đội ngũ cán bộ giảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ tham gia bồi dưỡng về tin học và ngoại ngữ.

Cùng với hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học được coi là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của cán bộ giảng viên. Hàng năm, giảng viên khoa Du lịch đều tham gia đầy đủ công tác



Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác kiến tập, thực tập hệ đại học chính quy năm 2023 - 2024.

nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu. Năm 2022, giảng viên giảng dạy tại Khoa đã triển khai 2 đề tài cấp tỉnh, 4 đề tài cấp cơ sở. Sinh viên của Khoa dưới sự hướng dẫn tâm huyết của các giảng viên đã đạt được nhiều thành tích cao so với toàn trường trong hai năm học liên tiếp (2021 - 2022; 2022 - 2023). Các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên khoa Du lịch ngày càng đi vào chiều sâu, các đề tài mang tính ứng dụng ngày càng nhiều, yêu cầu sản phẩm tạo ra từ nghiên cứu phải có giá trị thực tiễn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo được quan tâm đầu tư.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho tỉnh Thanh Hóa, nhà trường đã được đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học đầy đủ và khang trang. Hệ thống phòng học được trang bị bàn ghế, máy chiếu, âm thanh hiện đại. Đặc biệt để tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học, nhà trường là đơn vị duy nhất trong các cơ sở đào tạo du lịch của tỉnh được

đầu tư xây dựng Trung tâm thực hành du lịch và tổ chức sự kiện với hệ thống phòng thực hành hướng dẫn du lịch, phòng thực hành thiết kế và điều hành tour, phòng thực hành nghiệp vụ buồng, quầy lễ tân... giúp người học có điều kiện rèn luyện các kỹ năng nghề ngay trong nhà trường một cách thành thục.

Chương trình đào tạo thường xuyên đổi mới, cập nhật kiến thức thực tiễn.

Chương trình đào tạo khối ngành du lịch thường xuyên được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo định kỳ 2 năm/lần. Tỷ lệ các học phần thực hành rèn luyện kỹ năng nghề được chú ý nâng cao. Nội dung các môn học đều được cập nhật các kiến thức mới, gần gũi với thực tiễn nghề nghiệp để người học có thể vận dụng vào nghề nghiệp sau khi ra trường. Hiện nay, khung chương trình đào tạo các ngành Du lịch, Quản trị

dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn đã áp dụng theo hướng dẫn về cơ chế đặc thù của khối ngành du lịch, tăng cường các học phần thực hành, thực tế (ngoài 2 học phần thực tế nghề nghiệp, 1 học phần thực tập tốt nghiệp, 1 học phần báo cáo tốt nghiệp còn tăng cường thêm 2 học phần thực tập doanh nghiệp và nhiều học phần thực hành rèn luyện kỹ năng nghề du lịch).

Nguồn nhân lực du lịch đào tạo đáp ứng tốt các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, được các doanh nghiệp lữ hành và lưu trú đánh giá cao.

Hàng năm, sinh viên các ngành du lịch, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn tốt nghiệp tại trường đều được tuyển dụng số lượng lớn vào các doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp lưu trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương trong cả nước.



Đại diện lãnh đạo nhà trường và Câu lạc bộ Doanh nhân Hồ Lê tỉnh Thanh Hóa ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác.

Do có sự kết nối với các doanh nghiệp ngay từ khi sinh viên đi thực tập, thực tế nên phần lớn sinh viên đáp ứng tốt các vị trí việc làm, vận dụng tốt kiến thức về du lịch, khách sạn và kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành tour du lịch, tổ chức sự kiện, kỹ năng hoạt náo, nghiệp vụ buồng, bàn, bar, lễ tân... được đào tạo ở nhà trường vào thực tế công việc. Ngay từ năm thứ nhất, sinh viên khối ngành du lịch đã được tham gia thực tế nghề nghiệp, năm thứ 2 và năm thứ 3 sinh viên được trải nghiệm và thực hành tại các doanh nghiệp du lịch với các học phần thực tập doanh nghiệp. Khoa Du lịch và các bộ môn đã chủ động kết nối với tập đoàn, các doanh nghiệp lữ hành và lưu trú lớn trên địa bàn tỉnh và cả nước để gửi sinh viên đến thực tập doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp theo định kỳ giúp sinh viên có điều kiện rèn luyện, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp.

Một số hạn chế trong công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch:

Mặc dù đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ trung, nhiệt huyết là một thế mạnh song bề dày kinh nghiệm chưa nhiều, một số giảng viên chưa thể hiện khát vọng nâng cao trình độ, cập nhật sự biến đổi liên tục của du lịch thế giới. Một số giảng viên giảng dạy chuyên ngành lại bố trí phân tán ở các đơn vị khối công tác văn phòng, hoặc người quản lý bộ môn mặc dù có sự nhiệt huyết nhưng chưa đào tạo đúng chuyên ngành. Nếu khắc phục được những khó khăn này sẽ tạo thành thế và lực tổng hợp để thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch, góp phần nâng cao thành tựu tuyển sinh, đưa du lịch phát triển tương xứng với vị trí là một trong những ngành mũi nhọn đào tạo của nhà trường, góp phần đáp ứng yêu cầu để Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của cả nước về du lịch.

Việc đầu tư, liên kết, hợp tác đào tạo cán bộ giảng viên với các trường có uy tín trong nước, khu vực và thế giới còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, công tác nghiên cứu, tổng kết việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên đại học chưa được làm thường xuyên và nhìn nhận nghiêm túc nên chưa đạt được kết quả cao.

Các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực du lịch của nhà trường chưa bắt kịp với xu thế phát triển của du lịch thế giới. Riêng Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành mặc dù đã có sự cố gắng trong việc bổ sung phần kiến thức tổng quan về du lịch để làm nền tảng cung cấp kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh lữ hành, tuy nhiên việc thiếu hụt khối kiến thức cơ sở ngành về các loại hình du lịch, các tài nguyên du lịch khiến cho việc học tập các học phần về hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành tour, việc liên hệ các kiến thức kinh tế trong lĩnh vực du lịch của sinh viên gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù được đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo thực hành nghề song việc vận hành và sử dụng Trung tâm thực hành du lịch và tổ chức sự kiện còn nhiều hạn chế, chưa thực sự hiệu quả.

Công tác kết nối doanh nghiệp trong hoạt động thực tập, thực tế còn thiếu sự bài bản, hoạt động giới thiệu việc làm trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp chủ yếu do khoa tự tổ chức, chưa có sự kết nối với trung tâm tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm.

Một số giải pháp nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực du lịch của nhà trường, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển để Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước:

Thứ nhất, cần liên tục cập nhật đổi mới chương trình đào tạo theo xu hướng phát triển du lịch trong khu vực và trên thới

giới, đảm bảo những kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp gắn với thực tế, trang bị các công cụ ngoại ngữ, tin học cần thiết cho người học.

Thứ hai, cùng với đổi mới chương trình đào tạo, vấn đề then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực du lịch là tăng cường chất lượng đội ngũ giảng viên chuyên ngành. Cần đề xuất gửi các giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ tại các đơn vị đào tạo hàng đầu về du lịch; thường xuyên tổ chức cho giảng viên đi tham quan, thực tế, thực hành các kỹ năng nghề nghiệp. Khuyến khích các giảng viên tham gia các chương trình học, khóa học, tập huấn chuyên sâu trong và ngoài nước. Các bộ môn của Khoa Du lịch cần tổ chức thường xuyên hơn nữa các buổi sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ hàng tháng, tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt khoa học để cán bộ giảng viên phát huy trí tuệ của mình, trao đổi học tập lẫn nhau để làm giàu thêm tri thức của mình. Tổ chức thi nghiệp vụ hàng năm giảng viên và sinh viên được thể hiện năng lực và rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết. Khuyến khích giảng viên tham gia nhiều công trình nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng và đạt hiệu quả cao... Đặc biệt, nhà trường cần xây dựng cơ chế, chính sách mang tính chất đặc thù nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy với các trường trong nước, khu vực và thế giới; trân trọng và tạo mọi điều kiện cho những cán bộ giảng viên có những sáng kiến có thể ứng dụng vào thực tiễn đời sống đem lại lợi ích kinh tế cho nhà trường.

Thứ ba, khoa Du lịch cần tăng cường hơn nữa trong việc phối hợp và liên kết với các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn để sinh viên khỏi ngành du lịch mới có nhiều cơ hội thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp... Đồng thời, giải quyết vấn đề

việc làm của người học sau khi ra trường cũng tạo nên sự hấp dẫn cho ngành học đối với xã hội.

Thứ tư, nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động đào tạo nhân lực du lịch, trang bị thêm hệ thống âm thanh, máy chiếu phục vụ việc thực hành tổ chức sự kiện của người học.

Thứ năm, khoa Du lịch cần tiếp tục phối hợp tích cực với Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm tăng cường thông tin quảng bá về các ngành thuộc lĩnh vực du lịch bằng nhiều hình thức hình ảnh, video trên các phương tiện truyền thông (truyền hình, fanpage, website...). Bên cạnh các phương pháp xúc tiến, quảng bá truyền thống như tổ chức các sự kiện tuyển sinh, hội thảo, quảng bá qua các phương tiện truyền thông đại chúng cần phải áp dụng các phương pháp hiện đại, ứng dụng công nghệ số, quảng bá trực tuyến...

Tóm lại, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực du lịch là nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ cán bộ, giảng viên khoa Du lịch, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong bối cảnh thế giới đang chuyển biến không ngừng. Để góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển để Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm du lịch của cả nước, nhà trường cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp tích cực nhằm xây dựng chương trình đào tạo hiện đại, cập nhật những biến đổi của du lịch thế giới và Việt Nam, tạo nên môi trường học tập thân thiện, năng động, đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn, tâm huyết với ngành học. Có như vậy, các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực du lịch mới có thể phát triển mạnh mẽ, vươn lên xứng tầm với tiềm năng và vị trí một trong những trụ cột đào tạo của nhà trường, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch tỉnh nhà trong tương lai./.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội thảo khoa học

Chuyển đổi xanh: Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Ngày 10/5/2024, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá phối hợp với Công ty Cổ phần sáng tạo xanh Việt Nam (GREEN IN) và Trung tâm tư vấn đầu tư và Phát triển KHCN môi trường Thanh Hóa tổ chức hội thảo khoa học "Chuyển đổi xanh: Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa".

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe các diễn giả trình bày các vấn đề liên quan đến quy định pháp luật về quản lý phát thải khí nhà kính của Trung ương và Thanh Hóa, tác động của chính sách phát thải trong nước và quốc tế đến doanh nghiệp, chính sách kinh tế tuần hoàn. Tọa đàm về cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp trong hành trình chuyển đổi xanh. Tập huấn về nguyên tắc và phạm vi kiểm kê khí nhà kính.

Xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 được Đảng đề ra trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việt Nam hướng tới sản xuất xanh, xuất khẩu xanh và năng lượng xanh để các nhà đầu tư hoạt động hiệu quả, bền vững, lâu dài.

Để đạt được mục tiêu trên, ngoài vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cần

phải tư duy và hành động đột phá, cụ thể như: xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn có tính đến các tác động của các quy định tiêu chuẩn và quy định môi trường của sản phẩm; đầu tư đổi mới công nghệ đồng bộ và hiện đại để sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm, nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp; thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn; tăng cường hơn nữa hỗ trợ tư vấn của các tổ chức, đơn vị, Nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các biện pháp sản xuất sạch hơn.

Tham gia Hội thảo, các đại biểu có cơ hội nhận thức sâu sắc hơn về chuyển đổi xanh, chia sẻ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện tại đơn vị, doanh nghiệp và được các chuyên gia tư vấn, giải đáp thắc mắc về nhu cầu của doanh nghiệp và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính./.



Các đại biểu tham dự Hội thảo chụp ảnh lưu niệm.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội nghị thông tin chuyên đề “Văn hóa, lịch sử, đất và người Thanh Hóa”

Ngày 15/5/2024, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức Hội nghị thông tin chuyên đề KH&CN chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5 do GS.TSKH.NGND. Vũ Minh Giang - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam làm diễn giả, về nội dung: “Văn hóa, lịch sử, đất và người Thanh Hóa”.

Tới dự có Thường trực Liên hiệp hội; các đồng chí Ủy viên BCH Liên hiệp hội, chủ tịch, phó chủ tịch các hội thành viên, lãnh đạo các trung tâm trực thuộc; Ban lãnh đạo và cán bộ, hội viên Câu lạc bộ Hàm Rồng.

Các đại biểu đã được nghe diễn giả GS.TSKH.NGND. Vũ Minh Giang giới thiệu khái quát về khái niệm, vị trí của lịch sử và văn hóa trong sự phát triển của nhân loại. Phân tích các đặc trưng về lịch sử, văn hóa của Thanh Hóa, cụ thể như: Thanh Hóa là địa phương có bề dày lịch sử với những đóng góp vượt trội cho lịch sử dân tộc (Nền văn hóa Đông Sơn, Khởi nghĩa Lam Sơn, Thành Nhà Hồ, chiến công cầu Hàm Rồng...); là không gian văn hóa đặc sắc có một không hai (địa linh sinh nhân kiệt, hệ thống di sản và thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể). Phân tích vai trò và sự phối hợp chặt chẽ của 03 nhà: Nhà quản



Toàn cảnh Hội nghị.

lý - Nhà chuyên môn - Nhà đầu tư để khai thác hiệu quả tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển đất nước.

Diễn giả cũng đưa ra một số đề xuất, gợi ý cho tỉnh Thanh Hóa để phát huy được thế mạnh về lịch sử và văn hóa địa phương, như: Tái hiện quá trình xây dựng Thành Nhà Hồ bằng tranh 3D panorama; xây dựng sân khấu thực cảnh ở động Từ Thức để tái hiện những tích truyện mang tính huyền thoại; tăng độ hấp dẫn của Thái miếu nhà Lê thông qua xây dựng các câu chuyện lịch sử; tái hiện không gian văn hóa tại làng cổ Đông Sơn;...

Buổi nói chuyện chuyên đề là cơ hội gặp gỡ, giao lưu giữa cán bộ, hội viên của Liên hiệp hội và Câu lạc bộ Hàm Rồng; giúp các hội viên cập nhật các thông tin về văn hóa, chính trị, xã hội của đất nước và thế giới hiện nay./.

TIN HOẠT ĐỘNG

**Triển khai Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh lần thứ 14 (2024 - 2025)
và Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2024**

Ngày 06/6/2024, Ban Tổ chức Hội thi, Giải thưởng cấp tỉnh tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025) và Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2024. Đồng chí Nguyễn Văn Phát - Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), Trưởng Ban Tổ chức, chủ trì các hội nghị.

Tại Hội nghị, Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025), các đại biểu đã thông qua Kế hoạch, Thê lệ tổ chức triển khai Hội thi cấp tỉnh và tham gia Hội thi toàn quốc. Liên hiệp hội tiếp tục được UBND tỉnh giao là cơ quan chủ trì; các cơ quan phối hợp gồm có: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá.

Ban Tổ chức, Ban Thư ký Hội thi xây dựng kế hoạch phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp và một số huyện, thị xã, thành phố, tiến hành phát động, tuyên truyền Hội thi. Thời gian phát động Hội thi được bắt đầu từ khi công bố Thê lệ Hội thi đến hết ngày 30/6/2025.

Cùng ngày, Ban Tổ chức, Ban Thư ký Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2024 đã họp để thông qua kế hoạch tổ chức,

triển khai Giải thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, Liên hiệp hội được UBND tỉnh giao là cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp là Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh và các đơn vị có liên quan.

Ban Tổ chức Giải thưởng có trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác tổ chức, triển khai Giải thưởng. Ban Thư ký Giải thưởng có trách nhiệm chuẩn bị, xây dựng kế hoạch, chương trình, báo cáo cụ thể; tham mưu giúp Ban Tổ chức chỉ đạo tổ chức triển khai Giải thưởng hiệu quả; tham mưu tổ chức công tác tuyên truyền giới thiệu về Quy chế, Kế hoạch Giải thưởng trên các phương tiện thông tin đại chúng; tham mưu tìm chuyên gia giúp tác giả, nhóm tác giả xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự thi.

Ban Tổ chức, Ban Thư ký của Hội thi và Giải thưởng căn cứ vào kế hoạch để triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo theo quy định./.



Toàn cảnh Hội nghị triển khai kế hoạch Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 14 (2024 - 2025)

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội Luật gia Thanh Hóa:

Hội luôn đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức, phát triển hội viên. 6 tháng đầu năm 2024, Hội đã vận động kết nạp 154 hội viên; thành lập một số chi hội cơ sở mới như: Chi hội Luật gia xã Trường Lâm (thị xã Nghi

Sơn); Chi hội Luật gia xã Đông Thanh, Chi hội Luật gia xã Đông Hòa, Chi hội Luật gia xã Đông Quang, Chi hội Luật gia thị trấn Rừng Thông (huyện Đông Sơn)...

Về kiện toàn tổ chức, các chi hội cơ sở đã thực hiện tổ chức đại hội đảm bảo đúng nhiệm kỳ và theo quy định cụ thể: Đại hội Hội Luật gia xã Trường Giang (huyện Nông Cống) lần thứ II nhiệm kỳ 2024 - 2029 (tháng 4); Đại hội Chi hội Luật gia Sở Tư pháp Thanh Hóa lần thứ V nhiệm kỳ 2024 - 2029, Đại hội Chi hội Luật gia phường Đông Sơn (TP. Thanh Hóa) lần thứ nhất nhiệm kỳ 2024 - 2029, Đại hội Chi hội Luật gia phường Quảng Phú (thành phố Thanh Hóa lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2024 - 2029 (tháng 5); Đại hội Chi hội Luật gia phường Lam Sơn (TP. Thanh Hóa) lần thứ II nhiệm kỳ 2024 - 2029 (tháng 6)/.



Trao Quyết định thành lập và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Chi hội Luật gia thị trấn Rừng Thông.

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa:

Ngày 12/5/2024, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa phối hợp với UBND xã Hoàng Sơn tổ chức Hội thảo khoa học “Đô thống Thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu và vùng đất Bạng Sơn”.

Tại Hội thảo, các nhà khoa học về lịch sử văn hóa hàng đầu quốc gia, như GS.TS.NGND. Nguyễn Quang Ngọc - Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, GS.TS. Lê Hồng Lý - Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuệ - Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Sử học Việt Nam... đã công bố những tư liệu mới, những quan điểm đánh giá mới, toàn diện, đầy đủ hơn về nhân vật Lê Phụng Hiểu và các nhân vật lịch sử, danh nhân khác, gắn

liên với vùng đất Bạng Sơn, từ đó đề xuất nhiều kiến nghị để các ngành các cấp và địa phương xây dựng những dự án, chương trình bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử văn hóa về Lê Phụng Hiểu và vùng đất cổ Bạng Sơn trong bối cảnh hiện nay./.



Các đại biểu tham dự Hội thảo.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội Khoa học Kỹ thuật huyện Hoàng Hóa:

Ngày 14/5/2024, được sự hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, Hội đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tổ chức Hội nghị tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón trong sản xuất rau sạch, rau an toàn cho 150 hộ gia đình nông dân xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại buổi tập huấn, bà con nông dân đã được cán bộ của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hoàng Hóa giới thiệu về quy trình sản xuất rau an toàn, từ khâu chọn đất trồng, nguồn nước tưới, phân vi sinh, phòng trừ sâu bệnh,...; quy tắc, kỹ thuật bón phân cho



Toàn cảnh Hội nghị tập huấn.

rau sạch; giới thiệu một số loại phân hữu cơ trong sản xuất rau sạch.

Đây là cơ hội để người nông dân được tiếp cận các kỹ thuật phân bón hữu cơ hiện nay được áp dụng trong sản xuất rau sạch, an toàn, kỹ thuật cải tạo đất trong trồng trọt./

Hội Di sản Văn hóa và Cổ vật Thanh Hoa:

Nhân kỉ niệm kỷ niệm 63 năm Ngày Bác Hồ ra thăm quân và dân đảo Cô Tô và

134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Di sản Văn hóa và Cổ vật Thanh Hoa, Thường trực Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thanh Hoá ngày đã trao tặng UBND huyện Cô Tô một chiếc trống đồng dâng vào nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đây là hiện vật có giá trị và ý nghĩa thiêng liêng vì mỗi con số, hoa văn đều mang thông điệp, thể hiện tình cảm, lòng biết ơn của nhân dân với Bác Hồ; sự đồng lòng, quyết tâm, đoàn kết hướng về biển đảo quê hương, quyết tâm gìn giữ đường biên giới trên biển thiêng liêng của Tổ quốc.

Sau lễ tiếp nhận, trống đồng sẽ được trưng bày tại Nhà lưu niệm thuộc Di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô và không gian văn hóa Hồ Chí Minh./



Lễ bàn giao và tiếp nhận trống đồng.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÙNG: Kết quả hoạt động từ khi thành lập đến nay

PGS.TS. Mai Thị Hồng Hải

Giám đốc

*Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng**

Trong tâm Nghiên cứu Phát triển vùng (Tên viết tắt bằng tiếng Anh: CRDR) được thành lập theo Quyết định số 293/QĐ-LHH ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội).

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng (Trung tâm) có chức năng chính là tổ chức nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Tính từ thời điểm thành lập đến nay, Trung tâm hiện có 10 nghiên cứu viên, trong đó gồm: 02 phó giáo sư, 05 tiến sĩ, 03 thạc sĩ. Trung tâm cũng đã xây dựng được các cộng tác viên trong mạng lưới bảo tồn tri thức bản địa. Đây là một trong các yếu tố quan trọng để Trung tâm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các hoạt động liên quan. Sau 3 năm thành lập, Trung tâm đã thực hiện, triển khai một số hoạt động chủ yếu sau:

Hoạt động nghiên cứu, biên soạn

Hoạt động khoa học công nghệ rất cần thiết có văn hóa lịch sử, đây đều là những công cụ quan trọng để giải quyết thách thức về phát triển bền vững. Vì vậy, trong điều kiện, bối cảnh giai đoạn hiện nay, hoạt động nghiên cứu của Trung tâm tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nghiên cứu bảo tồn,

lưu giữ các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

Hiện nay, nước ta đang triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025. Chương trình gồm 10 dự án; trong đó, Dự án 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” là một trong những dự án tác động trực tiếp đến một nguồn lực quan trọng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có quan hệ mật thiết với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Dự án 6 mang tính chất là bối cảnh quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nhằm chuyển đổi nguồn lực văn hóa thành nguồn lực kinh tế.

Với ý nghĩa đó, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số chính là nguồn lực của du lịch; và nhờ du lịch, các giá trị văn hóa này sẽ được bảo tồn, làm giàu và phát huy giá trị trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021

* Trung tâm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

KHOA HỌC THANH HÓA

- 2025, gồm 11 nội dung; trong giai đoạn này có 6 chương trình. Đặc biệt, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực, được xem là giải pháp then chốt thúc đẩy thực hành nông nghiệp bền vững. Cũng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, phát triển du lịch nông thôn trở thành một chương trình có tính chất bao trùm trên địa bàn cả nước gắn với xây dựng Nông thôn mới. Vai trò của du lịch nông thôn thể hiện rõ trên ba phương diện: (i) góp phần đưa giá trị nông nghiệp và nông thôn lên cao, (ii) góp phần phát triển ngành nghề nông thôn, (iii) phát huy giá trị văn hóa các vùng miền.

Từ thực tiễn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương trên cơ sở có định hướng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Trung tâm đã lựa chọn việc nghiên cứu, biên soạn bách khoa thư địa phương với quy mô cấp huyện là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu của Trung tâm trong giai đoạn hiện nay. Bách khoa thư là sách học tập, tra cứu góp phần phổ biến kiến thức, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học của nhân

dân, góp phần bảo tồn, lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên một vùng đất cụ thể. Theo hệ thống phân loại các công trình bách khoa thư gồm có: bách khoa thư tổng hợp, bách khoa thư chuyên ngành, bách khoa thư địa phương. Loại bách khoa thư tổng hợp chứa đựng tri thức về mọi ngành khoa học (tự nhiên, xã hội), kỹ thuật, nghệ thuật. Loại bách khoa thư chuyên ngành chứa đựng tri thức về một ngành khoa học nhất định. Các bách khoa thư chuyên ngành như: bách khoa thư về nông nghiệp, bách khoa thư về văn học, bách khoa thư về y học, bách khoa thư về du lịch... Loại bách khoa thư địa phương, bao chứa tất cả các chuyên ngành, lĩnh vực tri thức của của một địa phương. Trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2025, Trung tâm đã, đang và sẽ tiếp tục nghiên cứu, biên soạn loại sách Bách khoa thư địa phương đối với huyện Thạch Thành và loại sách Bách khoa thư du lịch đối với huyện Ngọc Lặc.

Hoạt động tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức

Từ các kết quả nghiên cứu và khảo sát thực tế, Trung tâm đã ứng dụng trong các hoạt động tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức.

Trong các năm 2022 - 2023, được sự hỗ trợ trực tiếp của Liên hiệp hội, Trung tâm đã tổ chức các hội thảo tại huyện Thạch Thành và Ngọc Lặc, nhằm phổ biến tri thức về bách khoa thư, vận dụng thực tế trên địa bàn từng huyện; góp phần nâng cao trình độ văn hóa, khoa học của nhân dân trong huyện; góp phần bảo tồn, phát huy các giá



Giám đốc Trung tâm Mai Thị Hồng Hải phát biểu tại Hội thảo khoa học “Xây dựng bảng mục từ biên soạn Bách khoa thư du lịch Ngọc Lặc”.

trị di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở các địa phương gắn với phát triển du lịch; góp phần giáo dục cộng đồng về tình yêu và lòng tự hào quê hương, biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; có trách nhiệm đóng góp, cống hiến cho quê hương trong công cuộc phát triển kinh tế bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

Hoạt động tư vấn

Trong năm 2023, Trung tâm đã tư vấn xây dựng mô hình lý thuyết cho điểm du lịch cộng đồng bản Ngàm, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn. Mô hình du lịch cộng đồng tại bản Ngàm được xây dựng dựa trên bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng người Thái ở Quan Sơn.

Trong xu hướng hiện nay, du khách ngày càng quan tâm tới nhu cầu trải nghiệm và tìm hiểu những giá trị được thiết lập trên cơ sở giá trị văn hóa truyền thống (tính khác biệt, đặc sắc, nguyên bản), giá trị tự nhiên (tính nguyên sơ, độc đáo), cùng với giá trị sáng tạo và công nghệ. Những năm trước đây, nếu chỉ tiêu của khách du lịch phần nhiều ở các dịch vụ cơ bản như ăn uống, lưu trú thì hiện nay họ đã dành kinh phí nhiều hơn cho các dịch vụ như mua sắm đồ lưu niệm, quà tặng là các sản phẩm đặc thù của người địa phương, tìm hiểu văn hóa vùng đất và con người nơi họ đến tham quan.

Khách du lịch hiện nay cũng thay đổi về nhu cầu: Họ mong muốn quan sát và cảm nhận, được tham gia, tương tác và kết nối trực tiếp với người dân địa phương, thông qua những trải nghiệm thực tế như đồng tham gia các hoạt động tổ chức văn hóa, kinh tế, lễ hội, làm nông cùng với người dân địa phương. Bên cạnh đó, họ cũng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến những câu chuyện lịch sử, văn hóa của các điểm đến du lịch, các sản phẩm du lịch được kết tinh từ tài nguyên văn hoá

và sự sáng tạo của con người địa phương nơi họ đến chứ không chỉ chú ý về giá cả.

Hoạt động hợp tác quốc tế

Trong năm 2022 và 2023, Trung tâm đã tổ chức các hoạt động phối hợp chuyên gia Phó Giáo sư Achariya Chowoonglert, trường Đại học Naresuan Thái Lan, thực hiện khảo sát phân tích nguồn lực phát triển cộng đồng. Địa bàn khảo sát tập trung chủ yếu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các huyện Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát, Lang Chánh, Bá Thước. Thông qua các hoạt động khảo sát thực tế này, cán bộ của Trung tâm cũng có thêm những kinh nghiệm nghiên cứu về dân tộc học và nhân học, đặc biệt là những bài học trong lĩnh vực chuyển đổi vốn văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số thành nguồn lực trong phát triển cộng đồng, phát triển du lịch cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.

Ngoài các hoạt động chủ yếu nêu trên, các cán bộ của Trung tâm còn tham gia viết bài cho Tập san Khoa học Thanh Hóa của Liên hiệp hội, công bố bài nghiên cứu trên tạp chí và báo trong nước, tham gia các cuộc hội thảo trong nước về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và tham gia các hoạt động khác khi có sự phân công của Liên hiệp hội.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, Trung tâm đã thực hiện các hoạt động nghiên cứu, đa phần trong số đó là làm việc với cộng đồng các dân tộc thiểu số có liên quan đến nghiên cứu giá trị văn hóa, lịch sử, nguồn lực của cộng đồng người dân tộc thiểu số. Để có thể thực hiện hiệu quả các hoạt động khoa học này, ngoài sự quan tâm hỗ trợ của Liên hiệp hội, Trung tâm đã chủ động trong việc tìm hiểu khảo sát thực tiễn và định hướng các hoạt động nghiên cứu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đề ra./.

Hội Dược học Thanh Hóa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức

DS.CK2. Phạm Ngọc Thơm

Chủ tịch

Hội Dược học Thanh Hóa

Nhận thức rõ được vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức trong phát triển hoạt động hội chuyên ngành, trong những năm qua, Hội Dược học Thanh Hóa (Hội) đã tăng cường đổi mới, sáng tạo về hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật, chuyên môn ngành y, dược đảm bảo thực chất, hiệu quả.

Từ năm 2018 đến nay, Hội đã tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về pháp luật

thuộc lĩnh vực dược; tham gia giảng dạy và bồi dưỡng các chương trình đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn về dược tại các trường đào tạo y, dược trong tỉnh; trực tiếp tổ chức và cấp giấy chứng nhận hoàn thành cập nhật kiến thức cho các lớp đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn về dược cho các hội viên và người hành nghề dược trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 14 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi



Hội Dược học Thanh Hóa tổ chức Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

hành Luật dược với gần 3.000 người bán buôn và bán lẻ thuốc tham gia, với các hình thức đào tạo trực tiếp, trực tuyến; phối hợp cả trực tiếp và trực tuyến với số lượng trên 30 lớp.

Năm 2020, Hội phối hợp với Trường Đại học Dược Hà Nội tổ chức đào tạo chuyên sâu các chuyên đề về sử dụng thuốc an toàn cho 80 dược sỹ trình độ đại học trực tiếp bán và tư vấn sử dụng thuốc tại các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng cho trên 100 cán bộ dược có trình độ đại học là những người trực tiếp tham gia công tác dược lâm sàng tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

Hội đã phối hợp với Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa tổ chức 04 lớp đào tạo để cập nhật kiến thức chuyên môn về dược cho gần 400 dược sỹ đang hành nghề tại các nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và các địa phương lân cận.

Trong tuần lễ truyền thông phòng, chống kháng thuốc từ ngày 18/11 đến 24/11 hàng năm do Tổ chức Y tế Thế giới phát động, Hội Dược học Thanh Hóa đã phối hợp với Sở Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng, chống kháng thuốc tới các hội viên đang hành nghề dược tại các cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn toàn tỉnh.

Các hội viên đang làm việc tại các bệnh viện thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, cập nhật các quy định, các quy chế chuyên môn; tiếp tục triển khai các chương trình quản lý, sử dụng kháng sinh tại đơn vị, tuân thủ hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn sử dụng kháng sinh, quy định về kê đơn thuốc, giám sát sử dụng kháng sinh, kiểm soát nhiễm khuẩn, giám sát kháng sinh... Các hình thức truyền thông như: thông điệp truyền thanh, thông điệp truyền hình; phóng sự truyền hình về

kháng sinh và kháng thuốc; tờ rơi, pano, áp phích cho tuần lễ truyền thông phòng, chống kháng thuốc tới nhân viên y tế và cộng đồng; các chương trình phối hợp;... đạt hiệu quả và chất lượng được đồng nghiệp, hội viên, Nhân dân và các cấp chính quyền đánh giá cao.

Hiện tại, Hội Dược học Thanh Hóa có 10 chi hội trực thuộc với 305 hội viên. Trong những năm qua, hội viên thuộc các chi hội thường xuyên được cập nhật, phổ biến các văn bản pháp quy mới về dược, thông báo tác dụng có hại của thuốc. Các Chi hội cũng tích cực tham gia nghiên cứu khoa học tại cấp cơ sở, cấp ngành. Các dược sỹ khoa dược của các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục thực hiện tốt công tác cung ứng và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; tăng cường công tác quản lý sử dụng thuốc kiểm soát đặc biệt (thuốc gây nghiện; thuốc hướng tâm thần; thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện; thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng tâm thần; thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất dùng làm thuốc; thuốc hạn chế sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc...) và thường xuyên kiểm tra quy chế sử dụng thuốc tại các khoa phòng. Nhiều hội viên thường xuyên tham gia hội đồng cấp chứng chỉ hành nghề dược và tổ thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc của Sở Y tế đã bảo vệ quyền lợi của hội viên trong hoạt động hành nghề; tham gia hội đồng khoa học cấp ngành, cấp tỉnh, phản biện và xét duyệt đề cương, góp ý xây dựng dự án, nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, cấp tỉnh về lĩnh vực y, dược và các đề tài có liên quan.

Nhiệm vụ trọng tâm được Hội đề ra cho năm 2024 và các năm tiếp theo là tiếp tục củng cố tổ chức và duy trì 10 chi hội trực thuộc, tăng cường công tác phát triển hội viên, trong đó dự kiến thành lập Chi

hội Nhà thuốc thành phố Thanh Hóa với gần 200 hội viên; chỉ đạo các chi hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích của Điều lệ Hội; tập hợp các hội viên là các dược sĩ đại học đang làm trình dược viên, tạo điều kiện kết nạp vào Hội để họ có nơi sinh hoạt nghề nghiệp, sinh hoạt chuyên môn; khuyến khích, mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho các chi hội trong tỉnh giao lưu, sinh hoạt khoa học, sinh hoạt chuyên đề chung.

Bên cạnh đó, Hội tiếp tục tổ chức các lớp cập nhật kiến thức chuyên môn về dược; đào tạo và đào tạo lại, cung cấp thông tin khoa học y dược, thông tin dược lâm sàng, thông tin thuốc mới, kinh nghiệm sử dụng thuốc và chia sẻ thông tin về quản lý hành nghề dược cho các hội viên. Thực hiện chức năng tham vấn và phản biện về lĩnh vực dược, phối hợp với ngành y tế trong việc giám định xã hội theo quy định của pháp luật khi được yêu cầu. Tạo điều kiện để các hội viên tham gia Hội đồng cấp Chứng chỉ hành nghề dược, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên. Khuyến khích và động viên các dược sĩ tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học y dược; chủ trì hoặc tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học bằng các đề tài cụ thể tại đơn vị... Từ đó, góp phần thiết thực vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng ngành Dược tỉnh Thanh Hóa vững mạnh, cùng với ngành Y tế Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân các dân tộc tỉnh nhà./.

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 (Luật Đất đai năm 2024), có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thay thế Luật Đất đai năm 2013. So với Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024 có rất nhiều điểm mới, trong đó có những điểm mới quan trọng sau:

1. Bỏ khung giá đất, ban hành bảng giá đất mới từ 01/01/2026

Đây là một trong những thay đổi quan trọng nhất, nhận được sự quan tâm của đông đảo người dân.

Khoản 3 Điều 159 Luật 2024 quy định: UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp quyết định bảng giá đất để công bố và áp dụng hàng năm (từ ngày 01/01/2026).

Như thế, sẽ có bảng giá đất mới từ ngày 01/01/2026 và bảng giá đất sẽ được ban hành theo từng năm, thay vì định kỳ 05 năm một lần như quy định hiện hành tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

Bảng giá đất hiện hành sẽ tiếp tục được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025.

Bên cạnh đó, Luật quy định, việc xác định giá đất phải đảm bảo nguyên tắc thị trường, thay vì căn cứ vào giá đất tối thiểu - tối đa của khung giá đất do Chính phủ ban hành như hiện nay.

2. Đất không có giấy tờ trước ngày 01/7/2014 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất (Giấy chứng nhận)

Khoản 3 Điều 138 Luật 2024 quy định: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Không vi phạm pháp luật về đất đai;

NHỮNG ĐIỂM MỚI QUAN TRỌNG CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2024

Hà Sĩ Thắng

Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa

- Không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền;

- Nay được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp.

So với Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai 2024 đã mở rộng mốc thời gian sử dụng đất không có giấy tờ được cấp Giấy chứng nhận thêm 10 năm (từ 01/7/2004 thành 01/7/2014).

3. Đất cấp sai thẩm quyền sau 2014 sẽ được cấp Giấy chứng nhận

Khoản 4 Điều 140 Luật 2024 quy định: Đất được giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/01/2025 thì được cấp Giấy chứng nhận theo hạn mức quy định nếu đáp ứng đủ các điều kiện:

- Nay được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp;

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất;

- Người sử dụng đất có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất.

4. Quy định chi tiết 32 trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội

Điều 79 Luật 2024 quy định chi tiết 32 trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, trong đó có thể kể đến:

- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, năng lượng, chiếu sáng công cộng, dầu khí, hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, chợ dân sinh, chợ đầu mối,

tín ngưỡng, tôn giáo, khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;

- Xây dựng trụ sở cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức khác thành lập theo quy định của pháp luật được Nhà nước giao nhiệm vụ, hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên; trụ sở hoặc văn phòng đại diện của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội;

- Xây dựng cơ sở văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; y tế, dịch vụ xã hội; cơ sở giáo dục, đào tạo; cơ sở thể dục, thể thao; cơ sở khoa học và công nghệ được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động; cơ sở ngoại giao;

- Xây dựng công trình sự nghiệp về xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khí tượng, thủy văn, đặng kiểm, kiểm dịch động vật, thực vật.

Và một số trường hợp khác.

5. Thêm một số trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất

Điều 157 Luật 2024 quy định các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất. So với Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024 đã bổ sung thêm một số trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất từ ngày 01/01/2025 như:

- Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi;

- Sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng nhà xưởng sản xuất;

- Sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải tại khu vực đô thị và nông thôn;

- Đất để làm bãi đỗ xe, xưởng bảo dưỡng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng; đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm...

6. Đa dạng các hình thức bồi thường cho người dân bị thu hồi đất

Bên cạnh hình thức giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi hoặc bằng tiền (trong trường hợp không có đất để bồi thường), Luật Đất đai năm 2024 (tại khoản 2 Điều 91) đã bổ sung thêm hình thức bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở.

Đặc biệt, ưu tiên người dân được bồi thường bằng đất, bằng nhà ở được lựa chọn bồi thường bằng tiền nếu có nhu cầu.

7. Chỉ được thu hồi đất khi đã bàn giao nhà ở tái định cư

Khoản 6 Điều 91 Luật 2024 nêu rõ: Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành trước khi có quyết định thu hồi đất.

Khoản 5 Điều 91 cũng quy định: Khu tái định cư phải hoàn thiện các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải phù hợp với truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi. Khu tái định cư có thể bố trí cho một hoặc nhiều dự án.

Như vậy, từ ngày 01/01/2025, về nguyên tắc, việc tái định cư phải thực hiện trước mới được thu hồi đất.

8. Bổ sung thêm khoản hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất

Ngoài các khoản hỗ trợ như quy định hiện hành, Luật Đất đai năm 2024 bổ sung thêm các khoản hỗ trợ khác (tại khoản 1 Điều 108):

- Hỗ trợ di dời vật nuôi;

- Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn.

9. Đang thuê đất trả tiền một lần có thể chuyển sang trả hằng năm

Khoản 2 Điều 30 Luật 2024 quy định: Tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê được lựa chọn chuyển sang trả tiền hằng năm. Phần tiền thuê đất đã nộp trước đó sẽ được khấu trừ vào tiền thuê đất hằng năm phải nộp theo quy định của Chính phủ.

Luật Đất đai năm 2013 chỉ quy định việc doanh nghiệp, cá nhân được phép chuyển từ trả tiền thuê đất hằng năm sang trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và không quy định quyền ngược lại.

10. Cho phép người không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp được nhận chuyển nhượng đất trồng lúa

Theo quy định tại khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.

Tuy nhiên, tại khoản 8 Điều 45 Luật Đất đai năm 2024 không còn quy định trường hợp này. Như vậy, từ ngày 01/01/2025,

người không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được phép nhận chuyển nhượng, tặng cho đất trồng lúa.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thể nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa thay vì bị cấm như hiện nay.

Luật cũng quy định: Trường hợp người không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa quá hạn mức (trên 03 ha đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; trên 02 ha đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác) phải:

- Thành lập tổ chức kinh tế;
- Có phương án sử dụng đất trồng lúa được UBND cấp huyện phê duyệt.

11. Được thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất ở để làm nhà ở thương mại

Điều 127 Luật Đất đai năm 2024 nêu rõ: Đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án nhà ở thương mại thì chỉ được thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất ở.

Theo đó, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất chưa được cấp Sổ đỏ, Sổ hồng thì được thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện thỏa thuận quyền sử dụng đất thực hiện dự án.

Nếu nhà đầu tư đã nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án mà đến thời điểm hết hạn sử dụng đất đối với đất đã nhận chuyển nhượng nhưng vẫn chưa hoàn thành thủ tục về đất đai để thực hiện dự án thì được tiếp tục thực hiện các thủ tục để triển khai dự án mà không phải gia hạn.

12. Bỏ đối tượng hộ gia đình sử dụng đất từ 01/01/2025

Luật Đất đai năm 2024 đã bỏ đối tượng hộ gia đình sử dụng đất, căn cứ vào quy định tại khoản 25 Điều 3: “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân,

huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành”. Đồng thời, trong các đối tượng sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 không còn hộ gia đình.

Luật 2024 chỉ công nhận đối tượng hộ gia đình sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai 2024 có hiệu lực (01/01/2025).

Điều này đồng nghĩa với việc, từ ngày 01/01/2025, hộ gia đình sử dụng đất sẽ không được giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất với tư cách hộ gia đình sử dụng đất.

Luật 2024 đã có quy định chuyển tiếp đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình tại Điều 259.

Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 256 Luật Đất đai năm 2024 quy định hộ gia đình sử dụng đất có Giấy chứng nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thì sẽ được cấp đổi ghi tên tất cả các thành viên hộ vào Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

13. Tăng hạn mức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp

Khoản 1 Điều 177 Luật Đất đai năm 2024 cho phép hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất, thay vì 10 lần như Luật Đất đai năm 2013.

14. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mở rộng quyền sử dụng đất

Khoản 3 Điều 4 Luật Đất đai 2024 quy định cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất như cá nhân trong nước./.

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa - Địa chỉ tin cậy cung cấp cho bà con nông dân trong tỉnh nguồn giống bưởi Luận Văn đảm bảo chất lượng

Lê Thị Dung

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa



Sản phẩm bưởi Luận Văn của Viện.

Thực hiện quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 24/04/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện đề án phát triển Viện Nông nghiệp Thanh Hóa. Một trong những nội dung Viện phải thực hiện đó là thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng có khả năng tạo ra sản phẩm chủ lực, có giá trị kinh tế cao và các nguồn gen đặc sản, đặc hữu của Thanh Hóa, đồng thời lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý hiếm, có giá trị khoa học và kinh tế.

Tại Quyết định 252/QĐ-VNN ngày 02/6/2021 của Viện trưởng Viện Nông

nghiệp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, đơn vị trực thuộc, Phòng Phân tích và thí nghiệm được giao nhiệm vụ lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng có giá trị để phục vụ phát triển sản xuất và đời sống cũng như nhân, cung ứng giống cây trồng cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Phòng Phân tích và

thí nghiệm - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa tổ chức lưu giữ và nhân giống Bưởi Luận Văn (bưởi đỏ) bằng phương pháp vô tính.

Bưởi Luận Văn được trồng tại làng Luận Văn, xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và nổi tiếng là loại quả ngon từ thời vua Lê (Lê Cảnh Hưng, Lê Chiêu Thống). Chính quyền và người dân địa phương đều mong muốn phát triển sản xuất bưởi luận văn theo hướng sản xuất hàng hóa để nâng cao thu nhập và duy trì cây đặc sản của vùng.

Quả bưởi hình bầu dục, đỉnh quả lồi, đường kính quả từ 15cm-15,6cm; chiều cao quả từ 15-15,8cm; quả bưởi chín từ khoảng tháng 9,10 âm lịch nhưng có thể giữ trái đến dịp tết nguyên đán. Bưởi Luận Văn có hàm lượng chất khô cao, độ Brix từ 11,05% - 15,4%, hàm lượng đường tổng số 6,86-9,63%, hàm lượng axit hữu cơ từ 0,9-1,34%, vitamin C từ 43,52-45,22mg/100g. Đặc biệt giống bưởi này có hàm lượng carotene khá cao từ 2,532-2,582mg/100g tạo nên màu đỏ đặc trưng cho vỏ và thịt quả, cùi cũng có màu phớt hồng có vị ngọt nhẹ, chua dịu. Cho đến nay, giống bưởi này đã phát triển và được trồng ở một số xã như Xã Xuân Bái, xã Xuân Lam, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Để có những sản phẩm bưởi chất lượng cao đáp ứng được các yêu cầu của thị trường thì giống cực kì quan trọng. Giống phải có nguồn gốc rõ ràng, sạch bệnh, cây

giống sinh trưởng phát triển tốt. Hàng năm, Viện nông nghiệp Thanh Hóa đều gửi mẫu cây đầu dòng (cây lấy mắt ghép) để giám định bệnh Greening và Tristeza tại Viện bảo vệ thực vật Hà Nội - Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam.

Định kỳ hàng tháng chủ nhiệm nhiệm vụ và các kỹ thuật viên phòng PT&TN thực hiện chăm sóc cắt tỉa cành, tạo tán để lấy mắt ghép cho vườn sản xuất giống.

Nhờ có đội ngũ cán bộ kỹ thuật thành thạo tay nghề, nắm vững quy trình sản xuất, hàng năm, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa đã cho ra hàng trăm cây giống bưởi Luận Văn, đúng chủng giống, giá cả hợp lý. Cây giống được nhân bằng phương pháp vô tính với đặc điểm của cây con luôn mang tất cả các đặc tính tốt nhất của cây mẹ, cây giống với khả năng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao, chất lượng ổn định, cây giống khỏe, có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, chịu úng chịu hạn cao./.



Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Viện trực tiếp chăm sóc vườn sản xuất giống bưởi Luận Văn.

THANH NIÊN XUNG PHONG THANH HÓA VỚI CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Nguyễn Ngọc Khiếu

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa

Bước vào năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chuyển sang giai đoạn mới, để đáp ứng yêu cầu to lớn của cuộc kháng chiến, cần phải tổ chức một lực lượng lao động trẻ, khỏe, có nhiệt huyết cách mạng phục vụ kháng chiến vô điều kiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ thị cho Trung ương Đoàn Thanh niên tổ chức thành lập một Đội Thanh niên xung phong (TNXP) công tác Trung ương đầu tiên phục vụ chiến trường. Ngày 15 tháng 7 năm 1950, Đảng đoàn Thanh vận Trung ương họp quyết định thành lập Đội TNXP công tác Trung ương đầu tiên gồm 225 đội viên nam nữ, do đồng chí Vương Bích Vượng làm đội trưởng, làm nhiệm vụ vận tải lương thực, súng đạn, sửa chữa cầu đường, phục vụ chiến dịch Cao - Bắc - Lạng. Ngay từ những ngày đầu thành lập Đội TNXP công tác Trung ương, thanh niên Thanh Hóa đã hăng hái tham gia, sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Từ ngày thành lập Đội TNXP công tác Trung ương đầu tiên đến đầu năm 1953, đội ngũ TNXP ngày càng đông đảo trở thành một lực lượng quan trọng của công cuộc kháng chiến. Toàn Đoàn TNXP có 9 đội: đội 34, 36, 38, 40, 42, 44, 46, 48, 56. Lực lượng TNXP Thanh Hóa tập trung đông nhất, nhiều nhất ở các đội 34, 36, 38, 40, 42. Cùng với quân dân cả nước, TNXP Thanh Hóa đã đi tới nhiều chiến trường, phục vụ các chiến dịch Biên giới, Cao - Bắc - Lạng, Trung Du, Hòa Bình, Hoàng Hoa Thám, Tây - Thượng Lào và được giao nhiệm vụ ở những vị trí

chiến đấu ác liệt nhất như Suối Rút, Tuần Giáo, đèo Pha Đin, ngã ba Cò Nòi, cầu Tà Vày... Song, các đơn vị TNXP Thanh Hóa đã nêu cao tinh thần hy sinh anh dũng, truyền thống vẻ vang của TNXP, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, cuộc kháng chiến của dân tộc ta phát triển ngày càng có lợi cho ta, không có lợi cho quân địch. Càng đánh ta càng thắng, càng mạnh, thực dân Pháp càng lún sâu vào thế bị động. Để gỡ thế sa lầy ở chiến trường Việt Nam, với những thất bại liên tiếp trong các chiến dịch Biên giới, Thượng Lào, Trung Du... thực dân Pháp tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, theo kế hoạch của Đại tướng Nava - Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, hòng bình định Việt Nam trong 18 tháng với bước 1 là "Phòng ngự miền Bắc, tấn công miền Nam".

Với ý chí và sức mạnh của toàn dân tộc, Đảng ta quyết định mở trận quyết chiến lược ở Điện Biên Phủ nhằm đánh bại ý chí xâm lược và kết thúc chiến tranh. Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến của Tổng quân ủy và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho đồng chí Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp: "Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy toàn quân, toàn dân,

toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được"¹.

Với khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", thanh niên Thanh Hóa nô nức tòng quân, tham gia TNXP, hàng ngàn dân công được huy động lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chính trong thời gian này, con em Thanh Hóa tham gia TNXP đông đảo nhất, hoạt động khắp các khu Việt Bắc, Tây Bắc, Liên khu IV, TNXP Thanh Hóa đều có mặt ở 5 đội: 34, 36, 38, 40, 42. Đối với TNXP, nhiệm vụ quan trọng lúc này là giải quyết khâu "khó khăn lớn nhất là cung cấp, mà chủ yếu là vấn đề đường sá", "Việc đảm bảo giao thông vận tải cung cấp lương thực, đạn dược cho Điện Biên Phủ là một nhân tố vô cùng quan trọng, quan trọng không kém tình hình chiến đấu từng giờ từng ngày". Các đội TNXP 34, 36, 40 đã phối hợp với các đơn vị công binh, bộ binh ra sức làm đường, sửa đường... Để đáp ứng yêu cầu to lớn của chiến dịch, đội 34 và 40 TNXP Thanh Hóa được phân công 2 nhiệm vụ chính: đảm bảo giao thông trên con đường dài 200 cây số từ Suối Rút (Hòa Bình) đến cây số 31 đường ngã ba Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ; bốc vác, vận chuyển hàng từ Suối Rút đến cây số 80 Điện Biên Phủ.

Thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, các đơn vị TNXP Thanh Hóa đã nêu cao tinh thần hy sinh anh dũng, truyền thống vẻ vang của thanh niên, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng trụ vững trên mặt đường bảo đảm mạch máu giao thông của chiến dịch thông suốt.

Để ngăn chặn sự tiếp tế sức của và người cho mặt trận, địch tập trung một phần khá lớn máy bay ném bom phá, bom nổ chậm, rải bom bướm bướm trên các đường giao thông dẫn tới Điện Biên Phủ; các bến đò, các đèo cao hiểm trở đều bị bắn phá dữ dội, nhưng đường vận tải của ta lên Điện Biên Phủ vẫn được bảo đảm. Đường từ Yên Bái sang, đường từ Thanh Hóa ra Hòa Bình, Sơn

La lên, các đường bộ, đường thủy không ngừng đưa gạo, đạn ra tiền tuyến. Qua nhiều ngày đêm phá núi, bắc cầu, TNXP Thanh Hóa cùng với bộ đội đã mở rộng được con đường từ Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ, đưa hàng, đưa pháo vào trận địa. Trên tuyến đường sông, các đội viên TNXP cùng các chiến sĩ công binh ngâm mình dưới nước lạnh buốt nhiều ngày phá thác, phá ghềnh đã khai thông dòng sông Nậm Na để thóc gạo của đồng bào Tây Bắc về đến mặt trận Điện Biên Phủ. Các đoàn thuyền buồm, thuyền độc mộc, bè mảng ngược dòng sông Mã chở gạo từ Thanh Hóa lên Nam Điện Biên, vượt thác sông Đà mang gạo từ Liên khu III, Hòa Bình, Phú Thọ đến mặt trận, hoặc xuôi dòng Nậm Na đưa gạo từ Phòng Tô, Lai Châu về. Nhân dân đã đưa 11.800 chiếc thuyền để tiếp tế cho mặt trận Điện Biên Phủ².

Trên các mạch máu giao thông quan trọng của Điện Biên Phủ, lực lượng TNXP phải sửa chữa và làm mới hàng trăm cây số đường, mở rộng hàng trăm cây số đường mòn thành đường rộng 5m để xe ô tô và dân công qua lại.

Trên trận tuyến đèo Pha Đin dài 29 km, nếu tính từ chân dốc phía Tuần Giáo thì vừa đúng 32 km; nằm ở độ cao 1.600 mét so với mực nước biển, có nhiều dốc ngấn và có nhiều đoạn gấp khúc chữ chi, thước thợ. Ở trận tuyến trọng yếu này bố trí 9 đại đội TNXP, đầu dốc phía Thuận Châu có 4 đại đội: 292, 293, 294, 295 thuộc đội 34; phía Tuần Giáo có 4 đại đội 403, 405, 408, 409 thuộc đội 40, phần lớn là người Thanh Hóa; đỉnh đèo Pha Đin là đại đội 264, do đồng chí Quảng chỉ huy. Các đại đội đều phân công phụ trách từng đoạn đường. Anh em phải chia ca kíp làm cả ngày cả đêm. Hai việc quan trọng nhất là phá bom, chống lầy, sửa đường và đắp đường cho xe đi được. Đèo Pha Đin ở gần mặt trận, ở đây địch ném bom ác liệt, nhất là hai bên dốc, ở các đoạn cua ngoặt chữ chi... Tuy bị đánh phá ác liệt,

nhưng cả 9 đại đội TNXP đã dũng cảm vượt qua bom đạn lao động hết mình, đảm bảo đường luôn thông suốt cho xe ra mặt trận.

Tại ngã ba Cò Nòi (Sơn La) - nơi gặp nhau của đường 13 và đường 41 (nay là Quốc lộ 6), hai đội TNXP là Đại đội 300 do đồng chí Nguyễn Văn Chénh làm Đại đội trưởng và đại đội 401 do đồng chí Bùi Nguyên Tích làm Đại đội trưởng cùng với đơn vị công binh phụ trách trọng điểm này, làm nhiệm vụ phá bom nổ chậm. Ở đây ngày cũng như đêm địch bắn phá ác liệt, có ngày chúng thả trên 100 quả bom đủ các loại, nhiều nhất là bom nổ chậm, có quả 25 phút thì nổ, có quả vài giờ, một vài ngày mới nổ. Vì vậy nơi đây thực sự là "một tọa độ lửa", "một túi đựng bom". Mặc cho bom rơi đạn nổ, sau mỗi trận máy bay địch bắn phá, cán bộ chiến sĩ TNXP lại lập tức có mặt tại hiện trường để vừa cứu chữa thương binh, mai táng đồng đội, vừa phá bom nổ chậm, san lấp mặt đường để cho các đoàn xe thông tuyến.

Ở cầu Tà Vài, con đường qua suối to (đường 41), đại đội 292 do đồng chí Danh làm Đại đội trưởng và đại đội 295 do đồng chí Quới làm Đại đội trưởng đảm bảo đoạn giao thông không kém phần gian khổ, ác liệt. Nơi đây, địch luôn tập trung đánh phá, nên anh em TNXP không chỉ giữ vững mạch máu giao thông dưới mưa bom bão đạn, mà còn làm thêm 3 con đường mới để tránh, bắc cầu phao qua suối đảm bảo giao thông thông suốt.

Trong thành tích làm đường, giữ đường, đảm bảo giao thông phải kể đến chiến công về phá bom nổ chậm, bom bươm bướm. Người nổi tiếng về phá bom nổ chậm là Cao Xuân Thọ, quê gốc ở Hà Nội, tản cư vào Thanh Hóa năm 1950 rồi tình nguyện ra chiến trường, trong đội hình TNXP Thanh Hóa và trở thành chiến sĩ dũng cảm phá bom, thành viên của Ban chỉ huy đội cảm tử phá bom nổ chậm, thu gom bom bươm bướm ở tất cả các trọng điểm từ bến phà

Tạ Khoa, đèo Lũng Lô, đèo Tung Cao, Cò Nòi, cầu Tà Vài, đường vào Điện Biên Phủ cho xe chở vũ khí, hậu cần, bộ đội, TNXP, dân công hỏa tuyến an toàn trong suốt chiến dịch Điện Biên Phủ"³.

Trong nhiệm vụ giữ vững mạch máu giao thông trên tuyến đường 41 và đường 13, đội 36 và các đại đội 406, 407 đã đổ xương máu và ghi nhiều chiến công trong công tác thông đường, thông xe ra mặt trận. Ngoài làm đường chống lầy, đội TNXP 34, 40 và 36 còn làm nhiệm vụ cấp phát lương thực, thực phẩm, bảo vệ kho tàng lán trại, khiêng cáng thương binh, phá bom nổ chậm...

Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, các đơn vị TNXP Thanh Hóa còn được điều động vào trận địa cùng bộ đội thu dọn chiến trường, chôn cất tử sĩ, sau này còn phục vụ cho đồng chí Các-men (Liên Xô) lên trận địa quay phim.

Sau ngày hòa bình trên miền Bắc, Đại đội 406 và 410 được giao nhiệm vụ mở các tuyến đường giao thông từ Mộc Châu - Pha Háng, đoạn đường đầy khó khăn hiểm trở; Đội 34 và Đội 40 với hơn 8.000 TNXP mở đường Lai Châu - Phong Thổ đến biên giới Việt - Trung; mở rộng và nâng cấp con đường từ Lai Châu đi Tuần Giáo. Một số đơn vị khác về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và xây dựng đường sắt Hà Nội - Mục Nam Quan, Hà Nội - Lào Cai, Nhà máy Cơ khí Trung Quy Mô, Nhà máy Gõ Cầu Đuống...là những cơ sở vật chất quan trọng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc"⁴.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Thanh Hóa đã có 19.200 thanh niên tham gia vào đoàn quân đi dân công tiếp vận cho kháng chiến, cho chiến trường đánh Pháp. Chỉ tính riêng chiến dịch Điện Biên Phủ (1953 - 1954), gần 16.000 chiến sĩ vận chuyển lương thực, vũ khí vào trận địa, đào hào giao thông, san lấp hố bom, phá bom nổ chậm và nhập vào quân đội cầm súng trực tiếp chiến đấu. Vai trò của đoàn TNXP, trong đó có TNXP Thanh

Hóa, trong chiến dịch Điện Biên Phủ được Đảng và Chính phủ đánh giá rất cao. Nhà nước đã tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và 60 huân chương các loại cho tập thể và cá nhân xuất sắc trong chiến dịch Điện Biên Phủ, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ được tặng bằng khen, giấy khen. Sau hòa bình lập lại, nhiều TNXP trưởng thành trở thành cán bộ trung cao cấp của Đảng, 4 đồng chí trở thành Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy (Nguyễn Dy Niên, Lê Văn Tu); 1 người là Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học quốc tế về tài nguyên khoáng sản Cộng hòa Liên bang Nga, Phó Viện trưởng Viện Địa chất khoáng sản Việt Nam (Nguyễn Minh Khiêm), 4 đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Lê Văn Lục, Trần Đình Lăng, Phùng Sĩ Các, Lê Ngọc Đồng); nhiều đồng chí là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các sở, ban, ngành tỉnh, huyện và cơ sở, sĩ quan quân đội, đoàn thể, nhà văn, nhà báo⁵. Ghi nhận những chiến công xuất sắc, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho TNXP tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, trong đó có các chiến sỹ TNXP Thanh Hóa và cá nhân đồng chí Cao Xuân Thọ⁶, kiện tướng phá bom nổ chậm phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ đã được Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã ký Quyết định số 166/QĐ-CTN ngày 23/7/2014 phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân⁷.

Có thể nói, lực lượng TNXP được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang. So với cả nước, Thanh Hóa tổ chức lực lượng TNXP sớm nhất, lực lượng TNXP đông nhất (từ năm 1950 đến năm 1955 có hơn 18.900 đội viên), chỉ tính riêng chiến dịch Điện Biên Phủ (1953 - 1954), gần 16.000 chiến sĩ vận chuyển lương thực, vũ khí vào trận địa, đào hào giao thông, san lấp hố bom, phá bom nổ chậm và nhập vào quân đội cầm súng trực tiếp chiến đấu, đảm

nhận nhiệm vụ ở nhiều địa bàn ác liệt nhất, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong điều kiện hết sức cam go nóng bỏng nhất, lập nên nhiều chiến công vang dội, góp phần xứng đáng cùng với TNXP và quân dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Cùng với những đóng góp to lớn cả nhân lực, vật lực của quân và dân các dân tộc Thanh Hóa, TNXP Thanh Hóa mãi mãi xứng đáng với lời biểu dương khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi Người về thăm Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 1957: “Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu, tiếng Điện Biên Phủ đến đó. Tiếng Điện Biên Phủ đến đâu, đồng bào Thanh Hóa cũng có một phần vinh dự đến đó”⁸.

(1) Ban nghiên cứu lịch sử Quân đội thuộc Tổng cục chính trị, Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, tập I, NxbQĐND, Hà Nội, 1977, tr.557.

(2) Lịch sử Quân đội nhân dân Việt nam, Tập I, Sđd, tr.559

(3) Hội Cựu thanh niên xung phong Thanh Hóa, 65 năm Thanh niên xung phong Thanh Hóa anh hùng, Nxb Giao thông vận tải, tr.69

(4) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Ban Đại diện TNXP tỉnh Thanh Hóa, Thanh niên xung phong Thanh Hóa - Những chặng đường lịch sử, Nxb.Lao Động, 1998, tr.225, 226).

(5) 65 năm Thanh niên xung phong Thanh Hóa anh hùng, Sđd., tr.12-13.5).

(6) Anh hùng Cao Xuân Thọ sinh năm 1926, quê ở xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nguyên Đội trưởng Đội phá bom, Đại đội 404, Đội 40 TNXP Điện Biên Phủ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ông Cao Xuân Thọ vừa chỉ huy, vừa trực tiếp rà phá, thu gom được trên 100 quả bom các loại; đã 4 lần đơn vị làm lễ truy điệu sống trước khi ra trận; được gặp Bác Hồ 4 lần và 3 lần được tặng Huy hiệu của Người, được trao tặng 4 Huân chương, trong đó được Bác Hồ trực tiếp gắn Huân chương Lao động hạng Ba; là chiến sĩ thi đua tham dự Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua công nông binh toàn quốc lần thứ hai ngày 07/7/1958 (Dẫn theo 65 năm TNXP Thanh Hóa anh hùng, Tr.69).

(7) 65 năm Thanh niên xung phong Thanh Hóa anh hùng, Sđd. tr.76.

(8) Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thanh Hóa, Thanh Hóa học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy, Nxb Thanh Hóa, 1980, tr.28).

Xuất xứ của một số chữ Hán khắc trên các vách đá ở Thanh Hoá

Hương Nao

Vào những năm 1995 - 2005, Ban biên dịch những tư liệu văn hoá Hán Nôm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá đã ra đời và đạt được một số thành tựu nghiên cứu, trong đó nổi bật là lần đầu tiên tìm ra xuất xứ của một số đại tự (chữ Hán lớn) khắc trên đá mà trước đó chưa được biết đến hoặc biết chưa chính xác. Thí dụ: Trên ngọn núi Bia Thần thuộc dãy Thần Phù thuộc xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá có khắc một chữ “Thần” (神) rất lớn, chiều cao khoảng 2m. Sách "Đại Nam nhất thống chí"¹ ghi chép: “Tương truyền là do vua Lê Thánh Tông đề” (Trang 249). Hoặc bốn đại tự “Thanh kì khả ái” ở động Hồ Công, xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá theo bản dịch sách "Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Bích"², phần giới thiệu bài thơ “Đề động Hồ Công” của vua Lê Thánh Tông đã chú thích: “Hồ Công một dãy núi đá gần sông Mã, thuộc xã Thọ Vực (nay là xã Vĩnh Ninh - Nv chú), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trước cửa hang núi có khắc 4 chữ: “Thanh kì khả ái”, nghĩa là “xanh lạ đáng yêu”, ấy là chữ của Trịnh Tùng viết.” (Trang 10)...

Khoảng những năm 90 cuối thế kỉ XX, các thành viên trong Ban biên dịch đã tổ chức đi điền dã nhiều ngày để nghiên cứu những bia ma nhai (bia khắc trực tiếp lên vách núi) và đã phát hiện sự nhầm lẫn của các sách vở trước đây về xuất xứ những đại tự nói trên. Trước hết, chữ “Thần” ở núi Bia Thần, phần lạc khoản phía dưới (ghi tên tác giả và thời gian khắc) hầu hết đã bị đục bỏ.

Tuy nhiên vẫn còn một vài chữ xác định được, trong số có chữ “Nhật Nam” (日南). Theo xác định của Ban biên dịch đã công bố, “Nhật Nam nguyên chủ” là bút danh của chúa Trịnh Sâm (1739 - 1782). Sách Đại Việt sử kí tục biên (4) cho biết, tháng 10 mùa đông năm Canh Dần triều Cảnh Hưng (1770), chúa Trịnh Sâm đã tuần hành vào Thanh Hoá, đến tháng 2 mùa xuân năm Tân Mão (1771) trở về Kinh (Trang 339). Gần nửa năm về thăm quê tổ, chúa Trịnh đã đi đến nhiều nơi có di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, đề thơ khắc lên vách núi và đều ghi bút danh là “Nhật Nam nguyên chủ”. Vậy chữ “Thần” ở dãy núi Thần Phù là tác phẩm của chúa Trịnh Sâm sáng tác trong dịp này. Do lạc khoản bị đục phá, có thể trước triều Nguyễn nên tác giả sách Đại Nam nhất thống chí cũng không biết tác giả nên mới viết “tương truyền là Lê Thánh Tông”. Đáng chú ý là trên cao vách núi Khế, nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá, cũng viết một chữ “Thần” (神) lớn tương tự (viết chữ không phải khắc), nhưng không có lạc khoản. Đây là quê hương của Quận công Lê Trung Mẫn, Trấn thủ Thanh Hoá dưới thời chúa Trịnh Sâm. Lần đánh chúa Nguyễn trong Nam, chúa Trịnh Sâm đã ghé thăm Quận công Lê Đình Châu ở xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia (hiện nay vẫn còn dấu tích), nên có thể chúa cũng ghé thăm Quận Mẫn, hoặc Quận Mẫn được chúa chuẩn y viết chữ “Thần” giống hệt chữ “Thần” ở núi Bia Thần để chào mừng nhà chúa chăng?

Ở động Hồ Công, hiện còn thấy 4 chữ Hán “Thanh Kì Khả Ái”, mỗi chữ có chiều cao

khoảng 0,3m được khắc trực tiếp lên mặt một phiến đá tự nhiên, nằm trên đường đi tới động. Phía ngoài trên cửa động có khắc bài thơ Đường luật của Nhật Nam nguyên chủ với lời đề tựa sau:

Phiên âm: “Ngã Ái Châu hưng vương chi địa, sơn xuyên đa kì ái. Tạc nhân bái yết Sơn lăng, viên phong tiên nham nhận cổ xát, vân bình phiêu diêu khung lung chân thị Hồ Công nhất đại thắng, khai hứng thành thất ngôn chấp luật nhất thủ, đặc thư “Ngọc Hồ” nhị tự, “Thanh Kì Khả Ái” tứ tự, mệnh khắc vu thạch văn.”.

Dịch là: Châu Ái ta là đất hưng vượng, núi sông nhiều nơi kì lạ đáng yêu. Hôm qua, ta nhân đi bái yết Sơn lăng, đến thăm núi Tiên, nhận thấy ngôi chùa cổ. Mây mỏng mờ trôi bồng bềnh, quả là cảnh đẹp nhất của động Hồ Công, bỗng dạt dào thi hứng làm một bài luật thi bảy chữ. Đặc biệt viết hai chữ “Ngọc Hồ” và bốn chữ “Thanh Kì Khả Ái” sai khắc vào đá.

Như vậy rõ ràng tác giả bốn đại tự “Thanh Kì khả Ái” khắc trên phiến đá nguyên khối và hai đại tự “Ngọc Hồ” khắc trên vòm động Hồ Công tuy không có lạc khoản, nhưng chúng ta biết chắc chắn là chúa Trịnh Sâm. Nhờ lạc khoản bài thơ cho biết nhà chúa sáng tác vào năm Canh Dần tiểu xuân”, nên cũng biết những đại tự trên đề vào tháng 10 năm Canh Dần (1770).

Núi Diêu Sơn ở xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá phía trên có một cái động. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi chép: “Trong động có hai chữ lớn là “Cẩm Vân”, cửa động có hai chữ lớn là “Diêu Trí” (Trang 260), nhưng không cho biết xuất xứ các đại tự đó. Khi đến khảo sát, Ban biên dịch thấy ngoài bốn đại tự trên còn khắc một bài thơ chữ Hán của Nhật Nam nguyên chủ, có câu đề tựa sau:

Phiên âm: “Phòng Diêu Sơn động chi tác. Tịnh thư “Cẩm Vân, Trí Diêu” nhị đại tự.”. Nghĩa là: Thăm động Diêu Sơn sáng tác (bài thơ) và đề bốn đại tự “Cẩm Vân, Trí Diêu”. Vậy là các sách vở xưa có chép bốn đại tự

“Cẩm Vân, Trí Diêu” ở động Diêu Sơn nay đã xác định được tác giả là chúa Trịnh Sâm. Lạc khoản bài thơ ghi thời gian sáng tác là năm Canh Dần trọng nên biết được bốn đại tự được Trịnh Sâm đề là vào tháng 11 năm Canh Dần (1770).

Xin nói thêm, nơi thắng cảnh Tam Cốc Ninh Bình có chùa Bích Động rất nổi tiếng. Khi du khách lên thăm chùa Thượng sẽ thấy trên vách núi cao sau chùa khắc hai đại tự “Bích Động” (碧洞), xung quanh có đường viền, chữ chân phương, nét rất đậm, mỗi chữ chiều cao khoảng 1,5m. Theo sách “Tam Cốc Bích Động”³ thì Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm là tác giả 2 đại tự trên đề vào năm 1773. Tuy nhiên ngay phía dưới có câu chữ nhỏ (lạc khoản): “Nhật Nam nguyên chủ đề. Thần Nguyễn Nghiễm phụng tả”. Nghĩa là hai chữ “Bích Động” do Nhật Nam nguyên chủ sáng tác, người viết chữ là Nguyễn Nghiễm. Vậy chúa Trịnh Sâm là tác giả hai đại tự Bích Động. Còn người viết chữ này là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775), chứ không phải Nguyễn Hoàng giáp là tác giả như sách trên nhầm lẫn.

Ở nước ta còn có một số bài thơ, văn Hán Nôm chưa biết xuất xứ, hoặc nhầm lẫn tác giả, thời gian và nhầm lẫn của người đi trước lại được người đi sau kế thừa. Đây là một hiện tượng rất đáng tiếc. Thiết nghĩ nếu đầu tư công sức trực tiếp khảo sát để bổ sung, đính chính cho đầy đủ, chính xác những thiếu sót trên là một việc làm rất hữu dụng và hết sức cần thiết./.

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại Nam nhất thống chí (Tập 2). Người dịch: Phạm Trọng Điềm. Người hiệu đính: Đào Duy Anh - NXB Thuận Hóa Huế 1992.

(2) Hoàng Việt thi văn tuyển của Bùi Huy Bích - Trích dịch và chú thích (Tập 3) - NXB Văn hoá Hà Nội 1958.

(3) Lê Đăng Bật - Tam Cốc - Bích Động - Công ty Du lịch Tam Cốc Bích Động 1996.

Lịch sử, ý nghĩa

NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 21/6

Ban Biên tập
(*Sưu tầm*)

Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6 hàng năm là dịp để toàn thể nhân dân tôn vinh, tri ân những nhà báo đã đóng góp tâm sức vì một nền báo chí nước nhà vững mạnh, đưa đến độc giả những bài báo phản ánh chân thực các vấn đề đời sống, văn hóa, xã hội, những câu chuyện truyền cảm hứng và những tấm gương đáng tôn vinh.

Hàng năm vào ngày 21/6 các hoạt động kỷ niệm, chào mừng diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước. Cũng vào ngày này, các cuộc thi báo chí với những sản phẩm chất lượng của các phóng viên, nhà báo được phát động. Chính vì vậy, nhiều ý kiến cho rằng ngày 21/6 không đơn thuần là ngày lễ kỷ niệm mà còn là dịp để những người làm báo nhìn lại những thành tựu cũng như khó khăn để thêm tình yêu và sự nỗ lực đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp báo chí cách mạng.

Nguồn gốc, ý nghĩa ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

Trong lịch sử báo chí Việt Nam, từ những năm 60 thế kỷ XIX đã có “Gia Định báo” và một số báo lần lượt ra đời tại Sài Gòn, Hà Nội và một vài địa phương khác. Những năm đầu thế kỷ XX, hàng loạt tờ báo của người Việt Nam được xuất bản, tập hợp nhiều nhà văn, nhà báo, nhà trí thức theo từng nhóm nhỏ nhưng có các khuynh hướng chính trị khác nhau, nên không thể tập hợp vào chung một tổ chức thống nhất.

Đến ngày 21/6/1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), báo “Thanh niên” do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, ra mắt số đầu tiên thì dòng báo chí cách mạng Việt Nam mới bắt đầu hình thành.

Từ khi có báo “Thanh niên”, báo chí Việt Nam giương cao ngọn cờ cách mạng, nói lên ý chí, khát vọng của dân tộc Việt Nam và chỉ rõ phương hướng đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo chí cách mạng Việt Nam từ tờ báo đầu tiên -

báo Thanh niên xuất bản ngày 21/6/1925, qua mỗi thời kỳ cách mạng 1925 - 1930, 1930 - 1945, 1945 - 1954, 1954 - 1975, 1975 - 1986, 1986 - đến nay, đều có sự phát triển mạnh mẽ.

Ngày 2/6/1950, Chính phủ chính thức quyết định cho thành lập Hội “Những người viết báo Việt Nam” (Hội Nhà Báo Việt Nam ngày nay). Đến tháng 7/1950, Tổ chức Báo chí quốc tế (OIJ) nhóm họp ở Phần Lan đã công nhận Hội những người viết báo Việt Nam là thành viên chính thức của tổ chức.

Tháng 2/1985, theo đề nghị của Hội Nhà báo Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định số 52 ngày 5/2/1985 lấy ngày ra số đầu tiên của báo Thanh Niên làm ngày Báo chí Việt Nam (21/6/1925) nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm xã hội của báo chí, thắt chặt mối quan hệ giữa báo chí với công chúng, tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí.

Ngày 21/6/1985, lần đầu tiên giới báo chí cả nước tổ chức Lễ kỷ niệm ngày Báo chí Việt Nam và kỷ niệm 60 năm Báo Thanh Niên xuất bản số đầu tiên. Đây là ngày lễ không chỉ của riêng giới báo chí mà là ngày lễ của nhân dân cả nước, vì báo chí là sự nghiệp của toàn dân.

Ngày 21/6/2000, nhân kỷ niệm 75 năm ngày Báo chí Việt Nam, theo đề nghị của Hội Nhà báo Việt Nam, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đồng ý gọi ngày Báo chí Việt Nam là ngày Báo chí cách mạng Việt Nam.

Với nhiều người, ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6 có ý nghĩa quan trọng và to lớn. Ngày 21/6 cũng là dịp để những người làm báo nhớ về lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thanh Niên



Báo Thanh Niên số ra ngày 3/10/1925 (Ảnh sưu tầm).



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy in Tiến bộ, ngày 13/5/1959 (Ảnh sưu tầm).

Người luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng và tác động to lớn của báo chí, Người coi “Văn hóa là một mặt trận”, “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”.

Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng, phẩm chất đạo đức, năng lực của người làm báo là yêu cầu không thể thiếu để báo chí xứng đáng với vai trò vị trí quan trọng trong công cuộc cách mạng chung của đất nước.

Sau ngày thống nhất đất nước, báo chí ở nước ta đã phát triển khá nhanh cả về số lượng và chất lượng, hình thành hệ thống thông tin, báo chí, phát thanh, truyền

hình rộng khắp cả nước. Nội dung thông tin của báo chí ngày càng phong phú, hiệu quả, hình thức đẹp, sinh động và hấp dẫn.

Trong thời kỳ hội nhập và đổi mới, báo chí đã tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

Báo chí đã quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời báo chí cũng là vũ khí sắc bén chống lại các thế lực thù địch của cách mạng, đấu tranh chống tiêu cực bảo vệ lợi ích của nhân dân./.

Xứ Thanh - Nơi phát xuất hai dòng tín ngưỡng bản địa Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Quế
 Trường Đại học Hồng Đức

Thế kỷ XV, sau đỉnh cao Đại Việt, vương triều Lê khủng hoảng, suy vong; tình hình chính trị, xã hội nước ta bất ổn bởi xảy ra cuộc chiến Nam - Bắc triều (nhà Lê - nhà Mạc) từ 1533 - 1593, sau đó là thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh (từ 1627 đến cuối thế kỷ XVIII). Sự mất ổn định về chính trị, khủng hoảng kinh tế đã gây ra nhiều hệ lụy đến đời sống văn hóa, xã hội, nhân dân cơ cực, lầm than, mất niềm tin vào cuộc sống... Trong hoàn cảnh đó, ở nước ta đã thai nghén hai dòng tín ngưỡng bản địa: Nội Đạo tràng, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Điều kỳ lạ là cả hai dòng tín ngưỡng này đều gắn với miền đất xứ Thanh.

Nội Đạo tràng là một dòng tín ngưỡng phát tích từ làng Bồi Nguyên, xã An Đông, tổng Thủ Chính, huyện Quảng Xương (nay là làng Mậu Xương, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) do Trần Ngọc Lành khởi xướng. Theo nghiên cứu của Bùi Quang Thanh: các công trình ghi chép sớm nhất về Nội đạo tràng là Đại Nam Lê triều Thanh Hóa

Nội Đạo Tràng tam thánh bảo lục được soạn năm 1660, trung san năm 1807, không rõ tác giả, cuốn Nội Đạo Tràng liệt thánh bảo lục do Nguyễn Tảo, tự Pháp Ngôn, hiệu Văn Trai biên soạn, in năm 1902 - Thành Thái Nhâm Dần, (hai cuốn này được lưu tại thư viện Hán Nôm). Sau đó có thêm ghi chép Tang thương ngẫu lục của Phạm Đình Hồ; Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam của Nguyễn Đổng Chi và tư liệu Sự ra đời của Nội Đạo Tràng ở Việt Nam, thông báo của trường Viễn Đông Bác Cổ (BEFEO), số 34 - 1943. Bài thuyết trình ngày 5/01/1940 của giáo sư Nguyễn Văn Huyền in trong bộ sách *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt*



Tượng vua Lê Thần Tông và Hậu phi tại chùa Mật (Ảnh sưu tầm).

Nam¹, bài *An Đông Nội đạo tràng - một dòng tín ngưỡng bản địa*²... Các công trình trên đều thuật là sự ra đời và phát triển của Nội Đạo tràng và khẳng định đây là dòng tín ngưỡng bản địa của nước ta. Nội đạo tràng, theo các tài liệu ghi chép và theo truyền ngôn trong dân gian: Ông Trần Ngọc Lành là con cầu tự của Quỳnh Lâm hầu Trần tướng công thuộc gia tộc trâm anh thế phiệt. Ông không màng công danh mà từ quan, làm nhiều việc thiện nghĩa động lòng trời; hơn nữa Trần Ngọc Lành khi gặp Dược Sư Lưu Ly Quang Không Phật đã xin xả thân đầu giáo nên được giao trọng trách cai quản tà thần, ác quỷ ở Tam phủ; được Thượng Không Phật truyền lại cho các phép bắt quỷ và các con triện nhiệm màu rồi trở thành Thượng sư. Ông chuyên tâm Phật pháp, học đạo và có sức mạnh đặc biệt đứng đầu dòng đạo này. Thượng sư sinh được ba người con, trên vai đều có chữ: Nhật Quang (Tả Quan thánh), Nguyệt Quang (Hữu Quan thánh) và Ngọc Quang (Tiền Quan thánh). Họ đều tuần tú, thông minh, nghị lực, và đều đậu kỳ thi hương nhưng không ra làm quan mà ngày đêm chăm chỉ tập luyện bí pháp của Nội đạo để cứu đời. Nội đạo chỉ thu nhận nam giới tu luyện mà không có nữ giới; chủ yếu dùng linh ấn, linh quyết, bắt quỷ chữa bệnh, trừ tà, trừ yêu ma, có thể hô phong hoán vũ, sức mạnh vô biên... Thượng sư đã trừ hồ tinh trong rừng, hung thần trên biển, yêu ma trên đất liền... nhất là chữa trị khỏi căn bệnh lạ cho vua Lê Thần Tông đã làm cho vai trò, uy quyền của Nội đạo tăng lên bội phần. Chính tay vua Lê Thần Tông ban chữ “Nội Đạo Tràng” và phong là Nội Đạo chính tông. Sau khi tịch và hóa Phật, Thượng sư được phong là: Phục ma thượng đẳng phúc thần. Các bí pháp đều truyền lại cho tam thánh kế nghiệp với mục đích cứu đời độ thế.

Cũng trong thời kỳ đó, báo hiệu sự xuất hiện lớp tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ

phủ qua truyền thuyết và sử liệu về công chúa Liễu Hạnh. Đây là nhân vật từ cõi tiên giáng xuống cõi trần gian, được ghi chép, san định trong nhiều công trình: Vân Cát thần nữ (trong Truyền kỳ tân phả), Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Tứ bất tử, Nữ thần Thánh mẫu, Hội chân biên, Quảng Cung linh từ phả ký... Nội dung chuỗi truyền thuyết về Đệ nhị Tiên chủ Quỳnh Nương công chúa Liễu Hạnh - con gái của Ngọc Hoàng vì lỡ tay đánh vỡ chén ngọc nên bị biếm trích trần gian. Vì duyên nợ trần gian nên công chúa Liễu Hạnh đã giáng trần tới ba lần, trong đó có một lần ở Thanh Hóa (có thuyết cho là lần giáng trần thứ hai của bà tại Phố Cát, huyện Thạch Thành; có thuyết cho là giáng trần lần thứ ba ở Tây Mỗ hay Tây Mụ, huyện Hà Trung) sau này hiển thánh ở Sòng Sơn. Tại Thanh Hóa, công chúa Liễu Hạnh đã vân du nhiều nơi, biến hình vạn trạng, làm nhiều việc khuyến thiện, trừng gian, thể hiện uy thế uy hiếp đối phương... mỗi việc bà làm đều để lại dấu ấn trong nhân dân: hoặc sùng kính, hoặc hoảng sợ mà nhất mực nghe lời của bà. Việc xây đền nơi phố Cát hoặc đền Sòng Sơn đều là sự hiển linh của bà ứng vào người dân để báo mộng xây đền và tôn thờ bà, người ta coi bà là vị Thánh có quyền năng đặc biệt. Sau này Thánh Mẫu Liễu Hạnh trở thành thần chủ của đạo Mẫu Tam phủ.

Những sự kiện này chứng tỏ việc tôn thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh nằm trong mạch chảy văn hóa Việt Nam có nguồn gốc từ thời nguyên thủy: Tín ngưỡng thờ nữ thần, Mẫu thần. Nó thỏa mãn tâm lý của người nông dân cầu mong sự sinh sôi nảy nở; sau này là đáp ứng nhu cầu buôn bán của tầng lớp thương nhân ở đô thị, nhất là từ thế kỷ XVI - XVII trở đi trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Tuy nhiên, nếu làm một phép so sánh dễ thấy ngoài sự lạ kỳ ở việc ba lần giáng trần thì Thánh Mẫu Liễu Hạnh không mang

dáng vẻ siêu nhiên, kỹ vĩ của một nữ thần vũ trụ, sự vĩ đại như mẹ xứ sở, hay một nữ thần sáng tạo ra văn hóa như Mẹ Trời, mẹ Đất, mẹ Lúa, Mẹ Âu Cơ, Mẹ Gióng... song trong tâm thức người dân, công chúa Liễu Hạnh lại có vị trí vô cùng quan trọng. Có lẽ điều này là một sự tích hợp trong con người Mẫu Liễu: xuất thân từ cõi tiên, khi giáng trần trở thành người mang cốt cách Nho phong mang đủ: Công, dung, ngôn, hạnh: hiếu thuận, yêu chồng, thương con, chăm lo làm ăn...; bên cạnh đó có sự hiền lương, đức hạnh của Phật giáo. Khi không còn vương bận gia môn, bà chu du khắp cõi để tay cứu đời, không để những bất bằng trong thiên hạ, biết tự làm ăn, buôn bán, biết giận dữ, biết yêu thương, biết dùng mưu tính kế, thẳng tay trừ ác, biết dùng uy vũ, thậm chí giương oai tác quái để khuất phục thần linh, thổ công, hà bá trong vùng khi cần... Dường như, tích hợp trong Mẫu Liễu có cả Thiên thần, Phúc thần, Ác thần, Nhân thần. Tất

cả biểu hiện đó, khiến cho những huyền sử về bà thêm phần linh diệu, thiêng liêng nhưng cũng rất đời gần gũi với đời sống trần thế của con người. Bà là điểm tựa, là nơi con người ký thác những mong ước, khát vọng về đời sống trần thế của mình, đạt tới sức khỏe và tài lộc. Sự đồng cảm, sẻ chia của công chúa Liễu Hạnh khiến con người chôn trần ai (nhất là những người phụ nữ) cảm thấy rất thân quen, tin tưởng để nương nhờ. Người ta tìm thấy ở Mẫu sự bảo trợ cho cuộc sống từ vật chất đến tinh thần, từ những hành động đơn giản, bình dị đến những việc lớn lao. Niềm tin thiêng liêng ấy được nuôi dưỡng, được nhân lên, truyền bá rộng rãi trong dân gian; nơi nơi ngưỡng mộ và tôn thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Hai dòng tín ngưỡng Nội Đạo Tràng và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là tín ngưỡng bản địa đích thực mặc dù trong quá trình phát triển, nó đã thu nhận, dung hòa những ảnh hưởng của Đạo giáo, Phật



Hầu đồng - Nét đẹp tín ngưỡng thờ Mẫu (Ảnh sưu tầm).

giáo và Nho giáo. Và điều đặc biệt là sự ra đời của chúng đều có nguồn gốc hoặc liên quan đến đất Thanh Hóa - miền đất đánh những dấu mốc của truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong tiến trình phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu ở giai đoạn sau./.

(1) Bùi Quang Thanh, “Bước đầu khảo sát Nội đạo tràng vùng Quảng Xương, Thanh Hóa”, Tạp chí nghiên cứu Hán Nôm, đăng tải trên <http://hocthuatphuongdong.vn/index.php?topic=5134.0>

(2) Nguyễn Bích Thục, Lê Văn Dương, “An Đông Nội đạo tràng - một dòng tín ngưỡng bản địa”, Tạp chí Di sản, số 1 (30) 2010, tr 86-88.

Văn hóa truyền thống của người Thái huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Trần Thị Liên

*Phó Trưởng ban Văn nghệ Dân gian
Hội Văn học Nghệ thuật Thanh Hóa*

Thường Xuân, một vùng núi trùng điệp ở về phía Tây tỉnh Thanh Hóa, là địa bàn cư trú của ba dân tộc Thái, Mường, Việt. Sách “Đại nam nhất Thống chí” ghi rằng: “Năm Minh Mệnh thứ 18, trích lấy đất huyện Thọ Xuân, đất tổng Luận Khê huyện Lôì Dương và đất tổng Như Lăng huyện Nông Cống đặt nên châu Thường” - Tức là huyện Thường Xuân ngày nay. Cho đến tháng 10 năm 1988, toàn huyện có 73 vạn dân thì dân tộc Thái chiếm đến gần 50 vạn người. Thường Xuân, phía Đông giáp huyện Ngọc Lặc, Thọ Xuân và Triệu Sơn; Phía Tây giáp tỉnh Nghệ An và nước bạn Lào; phía Nam giáp huyện Như Xuân và phía Bắc giáp huyện Lang Chánh.

Huyện Thường Xuân là vùng đất có cấu trúc địa hình phức tạp. Quyết định bởi địa đạo Việt - Lào với những địa mảng hẹp, kéo dài theo hướng Tây Bắc. Có sự ngăn cách bởi các mảng nền nhỏ mà hình thành nên nhiều mạch núi và thung lũng chạy song song theo hướng Tây Bắc và Đông Nam đi thẳng ra biển Đông. Về mặt xã

hội, lịch sử, văn hóa thì hệ thống núi Chí Linh mà sách “Lam Sơn sự tích lịch đại đế vương” ghi: “Chí Linh Sơn, mang Khao xứ” nghĩa là núi Chí Linh ở mường Khao, cũng đáng được quan tâm. Đoạn sông Chu chảy qua huyện này nối tiếp cùng ba nhánh sông nhỏ là sông Đặt, sông Khao, sông Đàng (còn gọi là sông Đăn) tạo nên mạng lưới giao thông rất thuận lợi, dẫn nước và phù sa về cho rừng cây, đồng ruộng. Có thể nói cứ theo dòng sông Chu và các nhánh sông nhỏ, ta có thể đặt chân đến bất cứ một xã nào trên địa bàn châu Thường cũ. Cũng nhờ có cấu trúc địa hình ấy mà rừng ở Thường Xuân phát triển nhanh, có nhiều loại gỗ quý hiếm, là một kho luồng, nứa, song, mây. Trong lòng rừng ở đây bảo tồn nhiều loại thú có giá trị. Đặc biệt cây quế Trịnh Vạn là một loại cây đặc sản, vừa là dược liệu quý vừa có giá trị kinh tế rất cao và từ lâu quế Trịnh Vạn đã nổi tiếng ở trong nước và thế giới.

Người Thái đã trở thành cư dân chủ yếu của vùng này, còn có một số rất ít người Mường hiện cư trú rải rác, đây là nhóm

Tày Mường được di cư từ Nghệ An ra và hòa nhập vào nhóm Tày Dọ. Trừ một số người Việt, còn cư dân huyện này cư trú rất tập trung theo các dòng sông, dòng suối, nghề làm lúa nước và làm rẫy vẫn là nguồn sống chính.

Tuy nhiên, để người Thái chiếm đa số dân cư trú ở các vùng này, cũng phải đến thế kỷ thứ XI - XII, số người từ Mường Then tản về cư trú ở miền núi Thanh Hóa và Nghệ An. Như vậy, tuy không phải tất cả các cộng đồng Thái ở Thường xuân đều có mặt trên địa bàn này sớm như ở Mường Then nhưng cũng không phải là mãi thế kỷ XI - XII con người mới có mặt ở đây mà trong quá trình biến đổi thành phần dân tộc, Thường Xuân còn có một tộc người Mường nhưng nhóm người này đến đây không phải là một cuộc di cư của người Mường. Lại nữa, ngay trong dân tộc Thái về sau này cũng có một số nhóm người của các dòng họ Hà, họ Lương, họ Lữ từ các huyện Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh mới đến ở thành từng bản hay ở xen kẽ trên địa bàn này được vài ba đời như Chiềng Lau huyện Bá Thước đến đây được gọi là làng Láu; hoặc người Mường Chánh huyện Lang Chánh đến đây được gọi là làng Quan thuộc xã Xuân Cẩm.

Trên địa bàn huyện Thường Xuân cũng đã phát hiện được một hang ở xã Bát Mọt và một vài hang nhỏ ở xã Vạn Xuân có dấu vết hoạt động của con người từ thời kỳ văn hóa Hòa Bình, cách ngày nay chừng một vạn năm và tìm thấy một vài chiếc trống đồng. Những tư liệu văn hóa truyền thống sưu tầm được ở vùng này không thấy phản

ánh nhiều về thời kỳ tiền sử, về những sự kiện chinh phục và chiếm lĩnh tự nhiên, những huyền thoại về đất nước, sông núi, con người đậm đặc như các vùng cư dân Thái khác trong tỉnh. Tuy vậy, chúng tôi cũng không nghĩ rằng Thường Xuân không phải là vùng đất cổ, vì có thể chưa phát hiện hết được kho tàng tư liệu văn hóa truyền thống còn bảo lưu trong trí nhớ của nhân dân hay cũng có thể do có sự biến thiên nào đó, mà hoạt động của con người từ thời kỳ văn hóa Hòa Bình bị gián đoạn với các thời kỳ lịch sử sau này.

Có một điểm nổi lên rất rõ, đó là tư liệu văn hóa truyền thống ở đây phản ánh khá đậm nét về sự nghiệp chống giặc Minh xâm lược. Có thể nói bất kỳ ở đâu từ ngọn núi, dòng sông, tảng đá, rừng cây đến con thú trong rừng đều có dấu vết về hoạt động trong suốt 10 năm “nằm gai nếm mật” của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn. Đó là các giai đoạn về tên núi, tên sông, tên mường, tên bản như những kỷ niệm về quan hệ tốt đẹp giữa nghĩa quân với nhân dân, giữa Lê Lợi với nhân dân còn vang vọng mãi trong tâm thức của nhiều thế hệ. Có khi chỉ một hòn đá nhỏ bên bờ sông thuộc xã Xuân Mỹ đã trở thành chuyện hòn đá mài mực, vì



Địa bàn huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Ảnh sưu tầm).

trong những lúc ngặt nghèo nhất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã đến đây, dùng hòn đá này làm bàn viết, làm nghiên, ông đã ngồi tại đây để ngắm nhìn núi sông mà ngâm nghĩ, suy tư trước sự mất còn của đất nước, ông đã dùng trúc của rừng này làm bút, lấy nước của dòng sông Đập mà mài mực, mà rửa bút để viết nên những thư, hịch, giấy tờ, những đường lối quan trọng trong kế sách đánh giặc Minh... Như vậy, cũng sẽ cho ta một niềm tin rằng, vùng đất Thường Xuân không những là cái nôi, là địa bàn hoạt động quan trọng, mà còn là “đất thánh” của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, chắc chắn còn lưu giữ được những tư liệu quý về cuộc khởi nghĩa.

Với lòng yêu nước nồng nàn, với truyền thống dũng cảm, hi sinh, đoàn kết bảo vệ quê hương đất nước khi vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương, các sĩ phu yêu nước trong tỉnh đứng lên chống Thực dân Pháp thì Cầm Bá Thước - một sĩ phu người Thái ở Trịnh Vạn đã tập hợp nhân tài vật lực, xây dựng căn cứ chống Pháp. Những sự kiện này lại rất nhanh chóng trở thành những giai thoại, truyền thuyết, thơ ca cổ vũ người đương thời và đã để lại âm hưởng sâu xa trong tâm thức nhân dân.

Văn hóa truyền thống Thường Xuân bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, thời gian có thể làm cho những chứng cứ văn hóa vật chất bị lu mờ, biến dạng đi theo quy luật khắc nghiệt của thời gian, nhưng văn hóa tinh thần vẫn được bảo lưu trong môi trường đặc biệt - môi trường truyền thống.

So với những loại hình văn nghệ dân gian, tục ngữ, ngạn ngữ của các dân tộc ở đây sưu tầm chưa được nhiều nhưng cũng có thể thấy được phần nào những tri thức có giá trị thực tiễn được đúc kết qua bao thế hệ như kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm thời tiết thủy văn, kinh nghiệm chiến đấu, nhất là cách thức ứng xử giữa con người với con người, giữa cá nhân với

cộng đồng, giữa ta và địch. Đây chính là những bài học chung đã được địa phương hóa để ứng dụng vào đời sống con người Thường Xuân.

Khặp là làn điệu dân ca chủ yếu của vùng này, người Thái trắng gọi là khặp nhưng người Thái Đen gọi là xuôi. Khặp cũng đồng nghĩa với hát, khi đi bè, đi thuyền trên sông Chu mà hát thì gọi là khặp lóng xăm. Con trai, con gái hát với nhau để trao đổi tình cảm thì gọi là khặp xon - láy. Ông mo hát gọi là khặp mún, bà máy hát gọi là khặp mụt, người ở bản trên hát gọi là khặp poọng - nua, ở Mường dưới hát gọi là khặp poọng - tót: đang hát nhưng khi cần cất cao cho giọng vang xa hơn, bay bổng hơn gọi là khặp ới...

Nội dung của khặp Thái ở đây đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Những bài khặp thường là ứng tác cho phù hợp với hoàn cảnh. Có trường hợp dùng khặp để đối đáp trao duyên như hát đối đáp nam nữ, hát gheo ở miền xuôi. Có khi dùng khặp để kể những chuyện thơ dài như khặp kể chuyện U Thềm - Xi Thuần. Có trường hợp dùng khặp để giao tiếp khi khách đến nhà, khi mời nhau chén rượu. Cũng có lúc khặp dùng để động viên nhau trong lao động và chiến đấu.

Nhìn chung khặp rất giàu âm thanh, nhịp điệu và thường là những âm điệu réo rắt và gợi cảm. Khặp xon - láy của trai gái thường có âm trầm, phù hợp với giọng nói tình cảm, tâm tình của trai gái; khặp ới bao giờ cũng có âm điệu cao vang xa, còn khặp lóng - xăm thường là khỏe khoắn, đôi khi có cả tiếng đēm làm nền...

Ở góc độ sưu tầm, khảo sát nghiêng về phía sinh hoạt văn hóa truyền thống có thể ghi nhận rằng: Vốn khặp Thái trên đất châu Thường xưa là phong phú. Cho đến nay việc sưu tầm loại hình dân ca này chưa được nhiều. Nếu loại dân ca này được khai thác sử dụng một cách khoa học, sẽ góp phần làm cho kho tàng văn hóa truyền thống ở đây thêm phong phú.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, trên đất Thường Xuân ngày nay thật sự đã tồn tại rất nhiều trò diễn dân gian với những hình thức diễn xướng khác nhau. Khác với vùng đồng bằng Thanh Hóa và những trung tâm lễ hội diễn trò khác, các trò diễn dân gian ở Thường xuân ít bị pha tạp, còn giữ nhiều yếu tố ban đầu. Trong các trò diễn ở đây có nhiều trò còn mang dấu ấn của những cách diễn từ xa xưa còn sót lại, có những trò diễn có nhiều “lớp văn hóa” chồng chéo lên nhau như múa gươm, múa khăn, múa trống, múa chiêng... các trò diễn nghi lễ và sinh hoạt như Cá sa sàng khăn, Kín chá... Trong đó có những trò diễn đơn lẻ, có những trò diễn phức tạp, có những hình thức diễn xướng cuốn hút cả một “hệ thống” nhiều trò diễn khác nhau được xâu chuỗi lại.

Nhạc dân gian không chỉ là yếu tố hợp thành của văn hóa truyền thống, mà còn tạo thêm âm hưởng làm cho kho tàng văn hóa Thường xuân thêm sinh động, sâu lắng. Bộ nhạc cụ dân gian ở đây rất đa dạng như: trống, chiêng, cồng, mèn, luống, sáo, nhị, mõ, kèn, khèn bè, chuông... mỗi loại đều có chức năng riêng, được sử dụng rất thiết thực đối với đời sống con người như làm hiệu lệnh trong chiến đấu, sản xuất; làm nền cho các cuộc nghi lễ; sử dụng âm nhạc trong sinh hoạt văn hóa.

Âm nhạc dân gian có quá trình phát triển khá liên tục, từ sử dụng làm hiệu lệnh đơn giản, âm nhạc đã đi vào phản ánh quy luật tình cảm của con người. Âm thanh đôi khi có sức mạnh khơi dậy những tình cảm tốt đẹp, chân chính mà có thể có những lúc lời nói đã bất lực.

Chỉ riêng hình thức khua luống kết hợp với cồng chiêng đã là một cách biểu diễn khá độc đáo, biểu hiện một tri thức âm nhạc cao trong nhân dân. Khua luống ở xã Luận Khê cho thấy khả năng của âm nhạc và trình độ về âm nhạc của nhân dân Thường Xuân rất đặc sắc. Vì thế, chỉ có thể sáng tạo được những tác phẩm âm nhạc, ca

khúc để ca ngợi con người, cuộc sống của huyện Thường Xuân khi các nghệ sĩ biết học tập kế thừa tinh hoa âm nhạc dân gian của châu Thường xưa.

Khác với các loại hình khác của văn hóa truyền thống, mỹ thuật là một trong những loại hình còn bảo lưu được tính truyền thống, đồng thời cũng có sự kế thừa nâng cao thường xuyên, liên tục.

Đến vùng cư dân này, ta dễ dàng nhận thấy trình độ thẩm mỹ dân gian qua trang trí các “khâu cút” của nhà ở, đơn giản nhưng giàu tính ước lệ, những hoa văn trên chăn, gối, khăn, váy... màu sắc rất hài hòa, kết hợp chặt chẽ, mỗi hoa văn đều mang ý nghĩa nhân văn hết sức sâu sắc, như hình ảnh con thuyền luồn trên mặt chăn, bông hoa trên khăn trùm đầu... hoặc có thể thấy sự khéo léo đến mức tinh xảo của nghệ nhân qua các đồ mỹ nghệ thường dùng được bằng mây, tre, nứa.

Nếu đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu kỹ mỹ thuật dân gian của vùng văn hóa này, chắc chắn sẽ cho chúng ta những thông tin có giá trị tư tưởng về nghệ thuật. Đồng thời, cũng sẽ hiểu biết sâu sắc hơn về trí tuệ, tài năng, tâm hồn, tình cảm của cư dân các dân tộc Thường Xuân trong tiến trình lịch sử.

Một thể loại đáng lưu ý trong kho tàng văn hóa truyền thống Thường xuân là truyện kể dân gian và truyện thơ. Truyện dân gian sưu tầm ở Thường Xuân có khối lượng khá đồ sộ đầy đủ các thể loại khác nhau bao gồm truyện thần thoại, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ.

Tuy thể loại khác nhau nhưng nhìn chung truyện kể dân gian ở đây rất đa dạng về nội dung và phong phú về đề tài cũng như cấu trúc, nghệ thuật. Ở đây có cả truyện ngắn, truyện dài, có những truyện khá hoàn chỉnh nhưng cũng có truyện là những “mảnh vỡ” của truyện dài bị “cắt” vụn ra theo trí nhớ hoặc theo nhận thức chủ quan của nghệ nhân; có những truyện bố cục chặt chẽ, hợp

lý nhưng cũng có những truyện được thêm thắt, chấp vá có phần rời rạc.

Những truyện về thể sự, truyện về tình yêu đề cao lòng chung thủy, đề cao nhân phẩm, ở hiền gặp lành có các truyện Hai chị em, Vực hàng Hay, Nàng Tóc thơm, Nàng Han, Sự tích chim Poong Poong - Nắc Nắc. Ở những truyện này, cuộc đấu tranh của người lao động chống “Kẻ thù hai chân và bốn chân” được phản ánh khá sinh động. Tình yêu thương chung thủy được đề cao. Những phẩm chất cao quý của người lao động như lòng nhân ái, vị tha, đức tính cần cù, chăm chỉ... được khẳng định. Chân lý thuộc về nhân dân. Cái thiện vươn lên chiến thắng cái ác.

Thị Thôn (truyện chàng Thị Thôn) là một mẫu người đẹp có những phẩm chất cao quý đáng yêu. Chàng là đứa con của rừng núi, gắn bó với bản mường nên khi dân mường cần đến, chàng sẵn sàng xông vào hang giết hổ. Khi đất nước, bản Mường bị đe dọa, chàng sẵn sàng lên ngựa đi giết giặc với ý nghĩa đơn giản nhưng sâu sắc “thời loạn cần người hùng” và khi tình yêu bị đe dọa chàng không quản nguy hiểm gian nan quyết chí giành lại tình yêu.

Những truyện thuộc loại này được nhân dân rất yêu thích, phổ biến rộng rãi và có một đời sống riêng của nó với bản mường. Hình ảnh Nàng Han (Nàng Han) cưỡi ngựa giết giặc giữa rừng có phần giống với hình tượng Bà Triệu cưỡi voi giết giặc Ngô trong lịch sử dân tộc. Kết thúc của truyện là hình ảnh Nàng Han - người nữ anh hùng cưỡi ngựa bay lên đỉnh núi giống như hình tượng Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt bay lên trời. Hình tượng Nàng Han đã được lý tưởng hóa, được nhân dân ngưỡng mộ. Trong niềm cảm phục đối với người con gái anh hùng, nhân dân ở đây vẫn tin rằng: Nàng Han là đứa con của quê hương mình. Nàng sống mãi với bản làng.

Loại truyện về anh hùng dân tộc, anh hùng văn hóa có truyện ông Vi Than, những truyện về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn. Truyện về Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn được hình thành trên cốt lõi lịch sử là những hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn trên vùng đất Thường Xuân ngày nay. Những mẫu giai thoại, huyền thoại, cổ tích có liên quan đến Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn ở đây đã được sáng tác dân gian xây dựng thành những câu chuyện đầy hấp dẫn. Lê Lợi người anh hùng dân tộc qua sáng tác dân gian đã trở thành một hình tượng đẹp, gần gũi với nhân dân, một ông Lê Lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, một Lê Lợi “trong ngàn bước ra” chứ không phải một ông Lê Lợi đã khoác áo Hoàng bào.

Truyện dân gian ở đây tuy ít nhiều có yếu tố thần linh, thậm chí hoang đường nhưng có cốt lõi hiện thực phản ánh xã hội. Kết cấu của truyện đơn giản, dễ hiểu, phần lớn chưa bị gọt rũa theo nhận thức chủ quan của nghệ nhân hay người sưu tầm.

Về văn vần, tục ngữ, ngôn ngữ dân ca, thơ thì có khá nhiều nhưng những truyện thơ dài như Tiễn dặn người yêu; Tạo Chun Sang; Khun Lù; Nàng Ủa cũng phổ biến như các vùng dân tộc Thái khác trong tỉnh. Đặc biệt, trường ca “U thêm” - một bản trường ca đầy chất huyền thoại và anh hùng ca, phạm vi phản ánh khá rộng từ nước này qua nước khác trong vùng Đông Nam Á nhưng lại được lưu truyền ở Thường Xuân rất phổ biến, được nhân dân xem như những điều tâm đắc, những ước mơ của mình được gửi gắm trong truyện.

Trên cơ sở vốn văn hóa truyền thống phong phú và đặc sắc, trong những năm gần đây, nhân dân Thường Xuân đã phát huy mạnh mẽ truyền thống văn hóa để xây dựng quê hương Thường Xuân ngày càng đổi mới và phát triển./.